

CỜ VĂN VIỆT NAM

LÝ VĂN PHỨC

NHỊ-THẬP TỨ HIẾU

Chu - Lang CAO HUY GIU
ĐÍNH-CHÍNH và CHÚ-THÍCH

IN LẦN THỨ HAI
sửa-chữa cẩn-thận



SÁCH GIÁO-KHOA

TÂN VIỆT



CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Tên sách : NHỊ-THẬP TỬ HIẾU

Tác giả : LÝ VĂN PHỨC

Đính-chính và chú-thích : Chu-Lang CAO HUY GIU

Nhà xuất bản : TÂN VIỆT

Năm xuất bản : In lần 2

Nguồn sách : tusachtiengviet.com

Đánh máy : thuannguyen1088

Kiểm tra chính tả : Ngô Thanh Tùng

Biên tập chữ Hán – Nôm : Hồ Văn Sơ

Biên tập ebook : Thư Võ

Ngày hoàn thành : 10/12/2019

**Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận
« SỔ HÓA 1000 QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG
BÓNG » của diễn đàn TVE-4U.ORG**

**Cảm ơn tác giả LÝ VĂN PHÚC, Chu-Lang CAO HUY GIU
và nhà xuất bản TÂN VIỆT đã chia sẻ với bạn đọc
những kiến thức quý giá.**

MỤC LỤC

CÙNG BẠN ĐỌC

TIÊU-SỬ CỤ LÝ VĂN PHỨC

LƯỢC TRUYỆN 24 HIẾU-TỬ

- 1) NGU THUẤN 虞舜
- 2) VĂN-ĐẾ 文帝
- 3) TẶNG-TỬ 曾子
- 4) MẶN TỬ-KHIÊN 閔子騫
- 5) TỬ LỘ 子路
- 6) DIỄM TỬ 鄰子
- 7) LÃO LAI-TỬ 老萊子
- 8) ĐÔNG VĨNH 董永
- 9) QUÁCH CỰ 郭巨
- 10) KHƯƠNG THI 姜詩
- 11) THÁI THUẬN 蔡順
- 12) ĐINH LANG 丁蘭
- 13) LỤC TÍCH 陸績
- 14) GIANG CÁCH 江革
- 15) HOÀNG HƯƠNG 黄香
- 16) VƯƠNG THÔI 王裒
- 17) NGÔ MÃNH 吳猛
- 18) VƯƠNG TƯỜNG 王祥
- 19) DƯƠNG HƯƠNG 楊香
- 20) MẠNH TÔNG 孟宗
- 21) SỨU KÌM LÂU 庾黔婁
- 22) THÔI PHỤ ĐƯỜNG-THỊ 崔婦唐氏

23) CHU THỌ XƯƠNG 朱壽昌

24) HOÀNG ĐÌNH KIÊN 黃庭堅

NHỊ-THẬP-TỨ HIẾU DIỄN CA

KHAI-MÀO

1) VUA ĐẠI THUẤN NHÀ NGU

2) VUA VĂN-ĐẾ NHÀ HÁN

3) TẶNG-TỬ ĐỜI NHÀ CHU

4) MÃN TỬ-KHIÊN NHÀ CHU

5) TỬ LỘ NƯỚC LỖ

6) DIỄM TỬ

7) LÃO LAI-TỬ

8) ĐÔNG VĨNH ĐỜI HẬU-HÁN

9) QUÁCH CỰ NHÀ HÁN

10) KHƯƠNG THI ĐỜI HÁN

11) THÁI THUẬN NHÀ HÁN

12) ĐÌNH LAN NHÀ HÁN

13) LỤC TÍCH NHÀ HÁN

14) GIANG CÁCH NHÀ HÁN

15) HOÀNG HƯƠNG ĐỜI ĐÔNG-HÁN

16) VƯƠNG THÔI ĐỜI TẤN

17) NGÔ MÃNH NHÀ TẤN

18) VƯƠNG TƯỜNG NHÀ TẤN

19) DƯƠNG HƯƠNG ĐỜI TẤN

20) MẠNH TÔNG NƯỚC NGÔ

21) SỨU KÌM LÂU NƯỚC TỀ

22) ĐƯỜNG-THỊ VỢ HỌ THÔI

23) CHU THỌ XƯƠNG NHÀ TỐNG

24) HOÀNG ĐÌNH KIÊN (Tăng Trực) NHÀ TỔNG
KẾT LUẬN

CỔ VĂN VIỆT NAM
LÝ VĂN PHỨC
NHỊ-THẬP TỨ HIẾU
Chu-Lang CAO HUY GIU
ĐÍNH-CHÍNH và CHÚ-THÍCH

IN LẦN THỨ HAI
sửa-chữa cẩn-thận



SÁCH GIÁO-KHOA
TÂN VIỆT

CÙNG BẠN ĐỌC

« **NHỊ-THẬP-TỨ HIẾU** » là truyện hai-mươi-bốn người con có hiếu ở bên Tàu ngày xưa do cụ Lý Văn Phúc theo bản chữ Hán của Quách cư Nghiệp đời nhà Nguyễn diễn ra quốc-âm bằng lời ca song-thất lục-bát.

Cụ Lý Văn Phúc là một nhà văn-học nước ta và là một người hiếu-thuận ít có. Cụ diễn cuốn sách này cốt để làm gia-phạm dạy-dỗ riêng các con-cháu trong nhà cho biết theo gương hiếu-thuận, sau lưu-hành khắp nước, truyền-tụng làm cuốn sách có giá-trị làm khuôn-mẫu cho những kẻ làm con đối với cha mẹ ; đến ngày nay được liệt vào hạng sách giáo-khoa.

Vì cuốn sách này trong có nhiều chỗ dùng điển-tích chữ Hán, lại làm ra đã lâu, mỗi lần sao chép lại và in ra không khỏi có sự sai-lầm, thành ra « tam sao thất bản », nên trừ những bậc tài cao học rộng không kể, còn phần nhiều những người ít học, hay đàn-bà trẻ-con, đọc theo truyền khẩu, cứ theo chỗ sai-lầm của người này mà đọc lại cho người khác nghe, hay là sao chép lại, nên có nhiều chỗ ngớ-ngẩn khó hiểu.

Vì thế, cần phải đính-chính lại những chữ sai-lầm, chú-thích rõ những điển-tích bằng chữ Hán ra quốc âm cho dễ hiểu.

Tôi học ít, tài kém, cứ theo ý-nghĩ hẹp-hòi, kiến-thức sơ-thiển, tham-khảo thêm các bản in cũ mà đính-chính và chú-thích lại, họa may có giúp-đỡ cho những người ít học

hay đàn-bà trẻ-con thêm dễ hiểu được phần nào thôi ; không dám tự chắc rằng những chỗ đính-chính ấy đã là đúng, những chỗ chú-thích ấy đã là phải. Về phần hoàn-toàn, mong các vị cao minh chỉ-giáo và phủ-chính lại cho.

Tôi lại đem 24 bài thơ chữ Hán tổng vịnh 24 vị thánh-hiền, sĩ-thứ hiếu-thuận ấy, tạm dịch ra quốc âm, theo lối lục-bát, chẳng quản lời-lẽ nô-m-na, tạm hiến độc-giả chư tôn nhàn lãm.

Hà-nội, ngày 25-11-1952
Chu-Lang CAO HUY GIU

TIÊU-SỬ CỤ LÝ VĂN PHỨC

Cụ Lý văn Phức 李文馥 tự là Lân Chi 鄰芝, hiệu là Khắc Trai 克齋, người làng Hồ-khẩu, huyện Vĩnh-thuận, tỉnh Hà-nội ngày xưa, bây giờ thuộc Đại-lý Hoàn-long, ngoại thành Hà-nội.

Cụ là bậc túc nho, văn-học uyên-bác, đỗ Cử-nhân khoa Kỷ-mão triều Gia-long thứ 18 (1819), làm quan luôn ba triều : Minh-mệnh, Thiệu-trị và Tự-đức. Khoảng năm Tân-sửu, Thiệu-trị nguyên niên (1841), sung chức chánh-sứ sang sứ Tàu, và nhiều lần được cử đi phái-bộ các nước lân-cận với nước ta. Mỗi lần đi đâu về, cụ đều có soạn thành bút ký hay thi-tập.

Năm Canh-dần, Minh-mệnh thứ 11 (1830), đi phái-bộ Tiểu tây Dương, cụ soạn tập « *Tây hành kiến văn lục* » hay « *Kỳ-lược* » 西行見聞錄(紀略).

Hai năm Quý-tỵ và Giáp-ngọ, Minh-mệnh thứ 14, 15 (1834, 1835) đi phái-bộ Tân-gia-ba (Singapour), Lữ-tống (Luçon), Quảng-đông, cụ soạn hai tập « *Việt-hành ngâm* » hoặc « *Thi-thảo* » 越行吟 (詩草) và « *Việt-hành tục ngâm* » 越行續吟 Khi đi Áo-môn (Macao), cụ soạn tập « *Kính hải tục ngâm* » 鏡海續吟.

Ngoài ra, cụ còn có mấy bộ bằng quốc âm : « *Phụ chiêm tiện lãm* 婦箴便覽 », « *Tự-thuật ký* 自述記 », « *Sứ trình tiện lãm khúc* 使程便覽曲 » và bản *Nhị-thập-tứ hiếu* này.

LƯỢC TRUYỆN 24 HIẾU-TỬ

1) NGU THUẦN 虞舜

Vua Thuần họ Diêu, tên hiệu là Thuần, quốc hiệu là Đại-Ngu, cha là Cổ Tẩu (có mắt cũng như mù, vì không biết kẻ hay người dở, người đời bấy giờ mới tặng cho tên là Cổ Tẩu), mẹ đẻ mất sớm, mẹ kế là người ương-gàn, em (cùng cha khác mẹ) là Tượng tính lại hỗn-xược, cha và mẹ kế cùng em ngày ngày chỉ kiếm cách để giết ngài đi ; nhưng ngài vẫn một lòng trên hiếu với cha mẹ, dưới hòa cùng em, lòng hiếu cảm-động đến trời, như khi cha ngài bắt ngài cày ruộng một mình ở núi Lịch-sơn, thì voi về cày ruộng, chim về nhặt cỏ. Khi sai ngài đánh cá ở hồ Lô-i-trạch thì gió lặng sóng yên. Vua Nghiêu nghe tiếng, gọi gả hai con gái cho ngài, và sau truyền ngôi cho ngài. Khi ngài làm vua, trong 18 năm chỉ ngồi gảy đàn, hát khúc Nam-phong, mà thiên-hạ rất thái-bình thịnh-trị.

隊隊耕田象
紛紛芸草禽
輔堯登寶位
孝感動天心

Phiên âm :

Đội đội canh điền tượng,
Phân phân vân thảo cầm.
Phụ Nghiêu đăng bảo vị,
Hiếu cảm-động thiên tâm.

Giải nghĩa đen :

Hàng đàn voi về cày ruộng,

Hàng bầy chim đến nhật cỏ,
Giúp vua Nghiêu lên ngôi báu,
Lòng hiếu-thảo động đến trời.

Dịch nôm :

Voi về cày ruộng hàng bầy,
Chim về nhật cỏ hàng ngàn không ngại.
Giúp vua Nghiêu, nổi ngôi trời,
Cho hay hiếu cảm-động vời cao xanh.

2) VĂN-ĐẾ 文帝

Vua Văn-đế nhà Hán, tên là Hằng, con thứ vua Hán Cao-tổ, em vua Huệ-đế, mẹ là Bạc-hậu (vợ lẽ vua Hán Cao-tổ), trước phong là Đại-vương, tức là thân-vương ở đất Đại bên ngoài, tính rất hiếu, sau Huệ-đế chết không có con nối nghiệp, các quan trong triều đón ngài về làm vua. Khi ngài đã làm vua rồi, Bạc-hậu bị ốm trong ba năm trời, ngài lúc nào cũng đóng mũ-áo đai-cân đứng hầu mẹ, thức suốt đêm không dám ngủ, thuốc thang dâng đến, ngài tự nếm trước rồi mới dâng cho mẹ xơi, vì sợ thuốc có độc. Dân-gian thấy ngài hiếu-thảo như thế, ai cũng bắt-chước, mọi người đều hiếu-thảo cả, thiên hạ rất thịnh-trị, không kém gì đời tam-đại (nhà Hạ, nhà Thương và nhà Chu) ngày xưa.

仁孝臨天下
巍巍冠百王
漢廷事賢母
湯藥必先嘗

Phiên âm :

Nhân-hiếu lâm thiên-hạ,
Nguy nguy quán bách vương,
Hán-đình sự hiền-mẫu,
Thang dược tất tiên thường.

Giải nghĩa đen :

Lấy đạo nhân-hiếu dạy-bảo thiên-hạ,
Công cao hơn cả trăm vua khác,
Phụng-dưỡng mẹ hiền ở công-đình nhà Hán,

Thuốc-thang phải tự nếm trước.

Dịch nôm :

Đem lòng nhân-hiểu dạy dân,
So trăm vua khác có phần lại hơn,
Khi hầu mẹ ồm thuốc-thang,
Tự mình nếm trước, dưới màn mới dâng.

3) TĂNG-TỬ 曾子

Tăng-tử tên là Sâm, tự là Tử Dư, người ấp Vũ-thành nước Lỗ, sinh vào đời Xuân-thu, là học-trò vào bậc giỏi của đức Khổng-tử, sau được liệt vào bậc-tứ-phối (bốn ông phối hưởng với đức Khổng-tử). Ông thờ cha mẹ rất hiếu, bữa ăn nào cũng có rượu thịt. Khi cha mẹ ăn xong, còn thừa lại món ăn, ông hỏi cha mẹ bảo để cho ai, thì ông vâng lời mà cho người ấy. Một hôm, ông đi vào rừng kiếm củi vắng, ở nhà có khách đến chơi, mẹ ông không biết làm thế nào cho ông về ngay, bèn cắn ngón tay mình, để cho động lòng con, quả-nhiên ông ở trong rừng thấy quặn đau trong dạ, ông vội gánh củi về ngay.

母指纔方嚙
兒心痛不禁
負薪歸未晚
骨肉至情深

Phiên âm :

Mẫu chỉ tài phương khiết,
Nhi tâm thống bất cảm,
Phụ tân quy vị vãn,
Cốt-nhục chi tình thâm.

Giải nghĩa đen :

Mẹ vừa cắn ngón tay,
Con thấy đau trong dạ,
Vội vàng đội củi về,
Tình cốt-nhục cảm-ứng chóng như thế.

Dịch nôh :

Mong con vừa cấn ngón tay,
Trong rừng con bồng dạ này quặn đau,
Vội-vàng đội củi về mau,
Cho hay cốt-nhục tình sâu lạ nhường.

4) MẪN TỬ-KHIÊN 閔子騫

Mẫn Tử-Khiên tên chữ là Tôn, sinh vào đời Xuân-thu, học trò đức Khổng-tử, mẹ ông mất sớm, cha ông lấy người vợ sau (tức là mẹ kế) sinh được hai con. Mẹ kế đối với ông rất cay-nghiệt, nhưng ông vẫn thờ cha và thờ mẹ kế rất hiếu. Mùa rét, mẹ kế cho hai con mình mặc áo bông dày, cho ông mặc áo bằng hoa lau, chứ không có bông. Ông tuy thấy không đủ ấm, nhưng không hề nói gì. Một hôm, ông đẩy xe cho cha đi chơi, vì rét quá cóng tay, rời tay xe ra. Cha ông suy-xét mãi mới biết là ông bị mẹ kế để cho mặc rét, cha ông tức lắm định đuổi ngay người vợ kế đi, ông khóc và cố kêu van với cha, xin đừng đuổi mẹ kế, vì rằng : có mẹ kế thì chỉ một mình ông bị rét thôi, nếu đuổi mẹ kế đi thì cả ba anh em ông cùng phải khổ-sở cả. Cha ông nghe lời ông không bỏ người vợ kế nữa. Người mẹ kế nghe biết chuyện, về sau đối-đãi với ông rất tốt, thành ra một người mẹ hiền.

閔氏有賢郎
何曾怨晚娘
堂前留母在
三子免風霜

Phiên âm :

Mẫn thị hữu hiền lang,
Hà tảng oán vãn nương,
Đường tiền lưu mẫu tại,
Tam tử miễn phong-sương.

Giải nghĩa đen :

Nhà họ Mẫn có người con hiền,
Không bao giờ oán trách mẹ sau,
Trước mặt bố xin cho mẹ sau ở lại,
Để ba con khỏi phải khổ-sở.

Dịch nôm :

Tử-Kiên hiếu thảo tình sâu,
Không hề oán-trách mẹ sau nông-nàn.
Xin cha chớ dứt dây loan,
Cho con khỏi phải cơ-hàn cả ba.

5) TỬ LỘ 子路

Tử Lộ tên là Trọng Do, người ấp Biện, nước Lỗ, sinh vào đời Xuân-thu, là học-trò đức Khổng-tử. Thờ cha mẹ rất hiếu, nhà nghèo, thường phải đi đội gạo đường xa trăm dặm về nuôi cha mẹ ; bữa ăn không có thức ăn, phải ra vườn hái rau dền rau muống về nấu canh cho cha mẹ ăn. Sau cha mẹ ông chết cả, ông mới đi sang nước Sở, được vua nước Sở dùng, cho làm quan sang, bổng-lộc nhiều. Nghĩ đến công cha mẹ, ông lấy làm đau-túi, muốn lại được đi đội gạo và nấu canh rau để phụng-dưỡng cha mẹ, thì không được nữa.

負米供甘旨
寧辭百里勞
身還親已沒
獨念舊劬勞

Phiên âm :

Phụ mễ cung cam chỉ,
Ninh từ bách lý lao,
Thân hoàn thân dĩ một,
Do niệm cựu cù-lao.

Giải nghĩa đen :

Đội gạo để cung-cấp cha mẹ miếng ngọt miếng bùi,
Không nề-hà đường xa trăm dặm,
Đến lúc được sung-sướng thì cha mẹ chết rồi,
Vẫn nhớ đến công khó-nhọc của cha mẹ.

Dịch nôm :

Dốc lòng phụng-dưỡng mẹ cha,

Đường đi đội gạo dù xa cũng gần.
Đến khi nhẹ bước thanh-vân,
Muốn mong báo-đáp, hai thân đâu còn ?

6) DIỄM TỬ 郢子

Diễm Tử sinh vào đời nhà Chu, thờ cha mẹ rất hiếu ; cha mẹ tuổi già, mắt lòa, thèm uống sữa hươu, Diễm Tử lấy da hươu khô làm áo mặc, giả làm hươu con, vào rừng lân-la đến gần những con hươu mẹ để vắt lấy sữa. Một hôm, gặp bọn người đi săn, tưởng là hươu con, giương cung toan bắn, Diễm Tử vội bỏ lột hươu con ra, và bày-tỏ cho người đi săn biết, người ấy mới thôi không bắn nữa.

親老思鹿乳
身披鹿皮衣
若不高聲語
山中帶箭歸

Phiên âm :

Thân lão tư lộc nữ,
Thân phi lộc bì y,
Nhược bất cao thanh ngữ,
Sơn trung đới tiễn quy.

Giải nghĩa đen :

Cha mẹ già thèm uống sữa hươu,
Mình mặc áo da hươu,
Nếu không vội kêu to lên,
Thì bị trúng phải tên bắn ở trong núi.

Dịch nôm :

Sữa hươu tuổi-tác ước-ao,
Da hươu đội lột lân vào rừng xanh.
Gặp người nếu chẳng kêu nhanh,

Ắt là gặp sự chẳng lành xảy ra.

7) LÃO LAI-TỬ 老萊子

Lão Lai-tử người nước Sở, sinh vào đời Xuân-thu, đã 70 tuổi hầy còn cha mẹ. Ông thờ cha mẹ rất hiếu. Không muốn để cho cha mẹ thấy ông đã già mà lo-buồn, ông thường mặc áo sặc-sỡ, nhớn nhơ múa hát trước mặt cha mẹ, lại có khi ông bưng nước hầu cha mẹ, ông giả cách ngã, rồi khóc oa oa, làm như đứa trẻ lên bảy lên ba vậy. Ý ông là cốt để làm cho cha mẹ lúc nào cũng vui-vẻ trong lòng.

戲舞學嬌痴
春風動綵衣
雙親開口笑
喜色滿庭幃

Phiên âm :

Hý vũ học kiều sy,
Xuân phong động thái y,
Song thân khai khẩu tiếu,
Hỷ sắc mãn đình-vi.

Giải nghĩa đen :

Chơi đùa như thể trẻ em,
Gió xuân lay động áo hoa sặc-sỡ,
Hai cha mẹ cùng mở miệng cười,
Cảnh vui đầy cả cửa nhà.

Dịch nôm :

Chơi đùa học lối trẻ-thơ,
Thấp cao điệu múa, phất phơ áo mùi,
Hai thân cùng nở nụ cười,

Gió xuân đằm-ấm, cảnh vui đầy nhà.

8) ĐÔNG VĨNH 董永

Đông Vĩnh sinh vào đời Hậu-Hán, nhà nghèo, tính rất hiếu, cha chết không có tiền chôn cất, phải đến một nhà giàu ở làng khác, vay tiền công dật non, hẹn sau sẽ dật trả 300 tấm lụa. Khi vay được tiền về chôn cất cha xong rồi, định đi đến nhà giàu để dật trả lụa, đi được nửa đường, thì gặp một người con gái xin kết làm vợ chồng, nhưng giao-hẹn hãy cùng đi đến nhà giàu kia dật trả lụa trả nợ đã, rồi mới về ăn-ở cùng nhau. Khi đã dật đủ 300 tấm lụa, trả nợ xong rồi, hai người cùng về, đến chỗ gặp nhau khi trước, thì người con gái ấy biến mất. Vì Đông Vĩnh có lòng hiếu-thảo cảm động đến Trời, nên Trời sai tiên-nữ xuống giúp.

葬父貸孔方
仙姬路上逢
織縑償債主
孝感动蒼穹

Phiên âm :

Táng phụ thái khổng phương,
Tiên-cô lộ thượng phùng,
Chức khiêm thường trái chủ,
Hiếu cảm-động thương-khung.

Giải nghĩa đen :

Vay tiền để chôn cất cha,
Giữa đường gặp nàng tiên,
Dật trả chủ nợ,
Lòng hiếu cảm-động đến trời.

Dịch nôh :

Vay tiền lo-liệu tang cha,
Giữa đường gặp ả tiên-nga giúp cùng,
Dệt lụa đủ, trả nợ xong,
Cho hay hiếu-thảo động lòng trời xanh.

9) QUÁCH CỰ 郭巨

Quách Cự sinh vào đời nhà Hán, cửa nhà sa-sút, thờ mẹ rất hiếu. Hai vợ chồng mới sinh được một đứa con lên ba tuổi, ông thường thấy bữa ăn mẹ ông không dám ăn no, cứ bớt lại để phần cho con mình ăn, vợ chồng bàn nhau rằng : vợ chồng mình còn đương-thì sinh-đẻ, mẹ già chỉ có một lần, đã chẳng phụng-dưỡng mẹ được sung-túc, lại để cho con mình sẻ ngọt chia bùi của mẹ, thì không phải đạo. Bàn bàn nhau đào hố đem chôn đứa con đi ; vợ cũng nghe theo lời ông. Khi đào hố mới được đâu độ ba thước, thì thấy có một hũ vàng, trên có chữ đề là : « Hiếu-tử Quách Cự, hoàng kim nhất hũ, dụng dĩ tứ nhữ 孝子郭巨黃金一釜用以賜汝 ». Nghĩa là : « Người con hiếu là Quách Cự, một hũ vàng đây để cho mày ». Hai vợ chồng lại đem con về.

郭巨思供給
埋兒願母存
黃金天所賜
光彩照寒門

Phiên âm :

Quách Cự tư cung cấp,
Mai nhi nguyện mẫu tồn.
Hoàng kim thiên sở tứ,
Quang thái chiếu hàn-môn.

Giải nghĩa đen :

Quách Cự chỉ nghĩ việc phụng-dưỡng mẹ,
Chôn con đi mong cho mẹ sống,

Trời cho được hũ vàng,
Đương nghèo được nên giàu-có.

Dịch nôm :

Nhà nghèo hiếu-thảo dốc lòng,
Chôn con nuôi mẹ vợ chồng bàn nhau,
Hũ vàng dành dưới hố sâu,
Trời cho phút-chốc nên giàu lạ thay.

10) KHƯƠNG THI 姜詩

Khương Thi sinh vào đời nhà Hán, vợ là Bàn-thị ; hai vợ chồng đều hiếu-thảo cả. Mẹ chồng muốn uống nước sông, Bàn-thị hàng ngày đi gánh nước ở sông xa về ; trời rét, mẹ muốn ăn gỏi cá tươi, vợ chồng cố đi tìm kiếm được đủ thứ mang về. Lại sợ mẹ có một mình buồn, thường thường mời các bà già ở hàng xóm sang chơi với mẹ cho vui. Sau tự-nhiên ở bên cạnh nhà có suối nước ngọt chảy ra, đúng như vị nước sông, và ở suối ấy hàng ngày lại có hai con cá chép, đủ dùng làm gỏi ghém. Từ đấy, vợ chồng không phải đi quảy nước sông và đi kiếm cá nữa.

舍側甘泉出
一朝雙鯉魚
子能知事母
婦更孝於姑

Phiên âm :

Xá trắc cam-tuyền xuất,
Thất triêu song lý-ngư,
Tử năng tri sự mẫu,
Phụ cánh hiếu ư cô.

Giải nghĩa đen :

Bên nhà có suối nước ngọt chảy ra,
Mỗi ngày có hai con cá chép,
Con trai đã biết đạo thờ mẹ,
Nàng dâu lại hiếu với mẹ chồng.

Dịch nôm :

Bồng đầu suối chảy bên nhà,
Ngày đôi cá chép nhảy ra lệ thường,
Chồng mà lấy hiếu làm cương,
Ắt là vợ phải noi gương theo chồng.

11) THÁI THUẬN 蔡順

Thái Thuận sinh vào đời nhà Hán, nhà nghèo, mồ côi cha từ thuở bé, thờ mẹ rất có hiếu. Bị năm loạn lạc kém đói, phải đi vào rừng tìm kiếm những quả dâu chín đem về ăn cho đỡ đói. Tìm được quả nào chín đem ra để ra một bên, còn quả đỏ để ra một bên. Gặp người tướng giặc Xích-my đi qua, trông thấy, hỏi : « Vì cố gì lại để làm hai nơi như thế ? » Ông trả lời : « Quả nào chín đen thì ngọt, để riêng để biếu mẹ tôi, còn quả nào đỏ thì chua, để riêng tôi ăn ». Người tướng giặc khen là có hiếu, bèn truyền quân lấy ra một thúng gạo và một cái đùi trâu để tặng ông.

黑甚奉萱幃
啼饑淚滿衣
赤眉知孝順
牛米贈君歸

Phiên âm :

Hắc thâm phụng huyền vy,
Đề cơ lệ mãn y,
Xích-my tri hiếu thuận,
Đẩu mễ tặng quân quy.

Giải nghĩa đen :

Quả dâu chín đen để biếu mẹ,
Bụng đói nước mắt chảy thấm cả áo.
Giặc Xích-my biết là người có hiếu,
Tặng cho thúng gạo mang về.

Dịch nôm :

Quả dâu đen, dành mẹ xơi,
Lòng cam chịu đói, lệ rơi thấm bào.
Xích-my giặc ấy cũng hào,
Tặng cho gạo trắng một bao đem về.

12) ĐINH LANG 丁蘭

Đinh Lan sinh vào đời nhà Hán, mồ côi cha mẹ từ lúc bé, đến khi lớn lên, nhớ ơn cha mẹ thuê thợ tạc tượng cha mẹ bằng gỗ để phụng-thờ, ngày thì dâng hai bữa cơm, tối thì sửa-soạn chăn-gối, hầu-hạ chăm nom như lúc cha mẹ còn sống vậy. Phụng-thờ như thế hàng mấy mươi năm, sau người vợ ông sinh ra nản lòng, có một hôm, người vợ lấy kim châm vào kẽ tay tượng gỗ, tức thì có máu tươi chảy ra. Đến bữa cơm, ông bưng cơm vào cúng, thấy tượng gỗ rơm-rớm nước mắt, ông xét kỹ mới biết là vì vợ ông châm kim vào tay tượng gỗ, ông tức thì đuổi bỏ ngay người vợ ấy đi.

刻木为父母
形容在日辰
寄语诸子姪
各要孝双亲

Phiên âm :

Khắc mộc vi phụ mẫu,
Hình-dung tại nhật thần,
Ký ngôn chư tứ diệt,
Các yếu hiếu song thân.

Giải nghĩa đen :

Tạc gỗ làm tượng cha mẹ,
Thờ-phượng giống như lúc còn sống,
Nhấn bảo các con cháu,
Ai ai cũng nên hiếu với cha mẹ cả.

Dịch nôm :

Tạc hình cha mẹ như y,
Đêm ngày thờ-phụng tựa khi sinh thời,
Nhấn khuyên con trẻ mấy lời,
Làm con phải hiếu, ai ơi ghi lòng.

13) LỤC TÍCH 陸績

Lục Tích sinh vào đời Đông-Hán, mới lên 6 tuổi, đã biết hiếu-thảo. Có một hôm theo cha sang quận Cửu-giang với Viên Thuật ; Thuật làm tiệc thết đãi. Tích thấy trong tiệc có quít ngon, bèn lấy giấu hai quả bỏ vào tay áo, khi ra về cúi chào Viên Thuật không may quít ở trong tay áo rơi ra, Thuật nói đùa : « Sao lấy quít giấu như thế ? » Tích trả lời : « Vì mẹ tôi thích ăn quít, nhân thấy quít ngon, giấu đi vài quả đem về biếu mẹ tôi ». Thuật khen là người có hiếu.

孝悌皆天性
人間六歲兒
袖中懷綠橘
遺母事堪奇

Phiên âm :

Hiếu để giai thiên tính,
Nhân-gian lục tuế nhi,
Tụ trung hoài lục quất,
Dị mẫu sự kham kỳ.

Giải nghĩa đen :

Lòng hiếu để do trời phú tính cho,
Đứa trẻ con lên 6 tuổi trong thế-gian này,
Giấu quít vào trong tay áo,
Đem về biếu mẹ cũng đáng lấy làm lạ.

Dịch nôm :

Cho hay phú giữ thiên chân,
Lên sáu tuổi, biết hiếu thân mới kỳ,

Quít ngon mấy quả giấu đi,
Đem về biếu mẹ, những thì ước-ao.

14) GIANG CÁCH 江革

Giang Cách sinh vào đời nhà Hán, mồ côi cha từ lúc bé, thờ mẹ rất hiếu, nhà nghèo, gặp buổi loạn-lạc, cũng mẹ đi lánh nạn, giữa đường gặp bọn giặc toan bắt ông đi, ông khóc van với giặc nói là ông còn mẹ già, chỉ có hai mẹ-con nương tựa nhau, nay bị bắt đi, thì không có ai nuôi mẹ già. Bọn giặc nghĩ thương tình, tha không bắt ông đi nữa, ông cũng mẹ chạy về Hạ-bì, rồi ông cố sức làm thuê làm mướn, cùng nuôi mẹ được no đủ qua cơn loạn-lạc.

負母逃危艱
窮途賊犯頻
哀求俱獲免
傭力以供親

Phiên âm :

Phụ mẫu đào nguy gian,
Trung đồ tặc phạm tần,
Ai cầu câu hoạch miễn,
Dung lực dĩ cung thân.

Giải nghĩa đen :

Cũng mẹ đi lánh nạn,
Giữa đường gặp giặc bắt luôn luôn,
Kêu van đều được tha,
Cố sức làm thuê để nuôi mẹ.

Dịch nôm :

Tránh nạn cũng mẹ gian-truân,
Giữa đường gặp giặc toan phần bắt đi,

Giải tình van lạp, nắn-nì,
Thoát vòng loạn-lạc, tới khi yên-lành.

15) HOÀNG HƯƠNG 黄香

Hoàng Hương sinh vào đời Đông-Hán, năm lên 9 tuổi mẹ chết, thương khóc thảm-thiết, trong làng ai cũng khen là người có hiếu. Ở với cha, sớm khuya hầu-hạ, không lúc nào rời, mùa đông thì nằm ủ vào chăn-chiếu của cha để lấy hơi nóng của mình vào chăn-chiếu cho cha khỏi lạnh, mùa hè thì lấy quạt quạt màn-gối của cha cho hết hơi nóng, vì thế, cha lúc nào cũng được vui-vẻ, quanh năm không biết có mùa đông mùa hè. Quan Thái-thú quận ấy thấy Hương là người hiếu-thảo, làm sứ tâu lên vua Hán ban cho Hương tấm biển chữ vàng là người con hiếu-hạnh.

冬日温衾暖
炎天扇枕凉
兒童知子職
千古一黄香

Phiên âm :

Đông nhật ôn khâm noãn,
Viên thiên phiến chẩm lương,
Nhi đồng tri tử chức,
Thiên cổ nhất Hoàng Hương.

Giải nghĩa đen :

Mùa đông thì ủ cho ấm chăn,
Mùa nực thì quạt cho mát gối,
Trẻ thơ đã biết đạo làm con,
Nghìn xưa chỉ có một Hoàng Hương mà thôi.

Dịch nôm :

Đông thì ủ ấm chiếu-chăn,
Hè thì quạt mát mọi phần nông-oi,
Trẻ thơ đã biết hiếu rồi,
Nghìn thu chỉ có một người không hai.

16) VƯƠNG THÔI 王裒

Vương Thôi người nước Ngụy (đời Tam-quốc), cha ông làm quan triều Ngụy, sau Tây-Tấn diệt Ngụy, nhất thống thiên-hạ, cha ông bị Tây-Tấn giết hại, ông thương xót quá, phục ở bên mộ mà khóc mãi, đến nỗi nước mắt của ông chảy ra thấm xuống gốc cây trắc bên mồ tươi lại. Cả đời ông không bao giờ ngồi ngoảnh mặt về hướng tây (vì Tây-Tấn ở về phương tây), để tỏ ý ông không làm tôi nhà Tây-Tấn. Mẹ ông lúc sinh thời hay sợ sấm, nên khi mẹ ông chết rồi, hễ khi nào mưa có sấm, ông lại ra ấp mồ và khẩn rằng : « Có con ở đây rồi », để cho vong hồn mẹ khỏi sợ. Ông là người tài giỏi, vua nhà Tây-Tấn thường mời ra làm quan, ông nhất định không chịu ra, ở nhà mở trường dạy học, mỗi khi ông giảng sách cho học-trò, đến thiên Lục-Nga trong Kinh Thi có câu rằng : phụ hề sinh ngã 父兮生我 thì ông lại thương cha chảy nước mắt khóc. Vì thế, học-trò ông cũng cảm-động, bỏ thiên Lục-Nga không dám đọc đến nữa.

慈母怕聞雷
冰魂宿夜臺
阿香時一震
到墓繞千回

Phiên âm :

Từ mẫu phạ văn lôi,
Băng hồn túc dạ đài,
Át hương thời nhất chấn,
Đáo mộ nhiều thiên hồi.

Giải nghĩa đen :

Mẹ hiền sợ nghe sấm
Hồn thơm nằm dưới suối vàng,
Khi thấy có tiếng sấm động,
Đến mồ mẹ đi quanh nghìn lần.

Dịch nôm :

Mẹ xưa tính sợ sấm vang,
Hồn thơm ở chốn suối vàng những lo,
Mỗi khi mưa gió sấm to,
Thân ra ấp mộ quanh-co nghìn vàng.

17) NGÔ MÃNH 吳猛

Ngô Mãnh sinh vào đời nhà Tấn, lên 8 tuổi, thờ cha mẹ rất hiếu, nhà nghèo, mùa hè nhiều muỗi, không có tiền mua màn, ông sợ cha mẹ bị muỗi đốt không ngủ được, ông cởi trần nằm cho muỗi đốt, không dám xua, sợ rằng nếu mình xua đi thì muỗi lại đến đốt cha mẹ chẳng ?

夏夜无蚊帳
蚊多不敢揮
恣渠飽膏血
免使入親幃

Phiên âm :

Hạ dạ vô văn trướng,
Văn đa bất cảm huy,
Tứ cừ bão cao huyết,
Miễn sử nhập thân vi.

Giải nghĩa đen :

Đêm mùa hè không có màn,
Muỗi nhiều không dám xua,
Cho nó đốt no máu của mình,
Để nó khỏi đến chỗ cha mẹ nằm.

Dịch nôm :

Đêm hè lắm muỗi không màn,
Tha hồ muỗi đến hàng đàn vo ve,
Trần mình cho muỗi no-nê,
Hai thân được ổn giấc hòe là hơn.

18) VƯƠNG TƯỜNG 王祥

Vương Tường sinh vào đời nhà Tấn, mẹ chết sớm, ở với cha, bị mẹ kế cay-nghiệt, ngày thường xui-giục, làm cho cha ông ghét-bỏ ông, nhưng ông vẫn dốc lòng hiếu-thảo với cha và mẹ kế. Mùa đông, nước đóng váng, mẹ kế muốn ăn cá tươi, ông cời trần nằm trên váng nước, để tìm cá, bỗng tự nhiên váng nước nứt đôi ra, có hai con cá chếp nháy lên, ông đem về cho mẹ kế xơi. Thấy ông hiếu-thảo như thế, sau cha và mẹ kế ông cảm-động, lại yêu-quý ông lắm.

繼母人間有
王祥天下無
至今河上水
一片卧冰無

Phiên âm :

Kế mẫu nhân-gian hữu,
Vương Tường thiên-hạ vô,
Chí kim hà thượng thủy,
Nhất phiến ngọa băng vô.

Giải nghĩa đen :

Mẹ kế thì nhân-gian thường có,
Hiếu như Vương Tường thì thiên-hạ không có ai,
Đến bây giờ ở trên sông,
Chả có ai nằm trần mình ở trên váng nước cả.

Dịch nôm :

Nhân-gian mẹ kế là thường,
Lòng con hiếu tựa Vương Tường có đâu !

Gắm xem từ đây về sau,
Năm trần trên vầng nước sâu mấy người.

19) DƯƠNG HƯƠNG 楊香

Dương Hương sinh vào đời nhà Tấn, mới 14 tuổi, tính rất hiếu, cha đi đâu cũng theo đi hầu. Có một hôm, hai cha con cùng đi thăm ruộng đường xa, giữa đường gặp con hổ nhảy sỏ đến định vồ cha ông, ông tay không, quyết xông vào đánh nhau với hổ, hổ phải bỏ chạy, cha con đều được vô sự cả.

深山逢白額
努力搏腥風
父子俱無恙
脫離虎口中

Phiên âm :

Thâm sơn phùng bạch ngạch,
Nỗ lực bác tinh phong,
Phụ tử câu vô dang,
Thoát ly hổ khẩu trung.

Giải nghĩa đen :

Chốn rừng sâu gặp con hổ trắng má,
Cố sức đánh đuổi giống hôi-tanh,
Cha con đều vô sự cả,
Khỏi được tai-nạn bị hổ ăn thịt.

Dịch nôm :

Giữa rừng gặp cọp tay không,
Dù rằng thú dữ quyết xông đánh liền,
Cha con đều được bình-yên,
Miệng hàm đã thoát đoàn viên cùng về.

20) MẠNH TÔNG 孟宗

Mạnh Tông người ở Giang-hạ, về đời Tam-quốc, mồ côi cha, ở với mẹ, tính rất hiếu. Một hôm mẹ bị ốm, thèm ăn canh măng, nhưng về khi ấy đương mùa đông, khó tìm được măng, ông lần vào rừng tre, một mình ngồi khóc, bỗng chốc có mấy giò măng mọc ở dưới đất lên, ông đem về nấu canh cho mẹ xơi, rồi mẹ khỏi ốm.

淚泣朔風寒
蕭蕭竹數竿
須臾冬笋出
天意報平安

Phiên âm :

Lệ khắp sóc phong hàn,
Tiêu tiêu trúc số can,
Tu du đông duẩn xuất,
Thiên ý báo bình an.

Giải nghĩa đen :

Ngồi khóc trong khi gió bắc rét lạnh,
Lèo tèo có mấy cây tre,
Phút chốc măng mùa đông mọc ra,
Ý trời cho mẹ được khỏi bệnh.

Dịch nôm :

Mùa đông gió bắc lạnh lùng,
Một mình sùi-sụt trong vùng rừng tre,
Bỗng đâu măng mọc đem về,
Mẹ xơi, bệnh đã mọi bề tiêu-tan.

21) SỬU KÌM LÂU 庾黔娄

Kìm Lâu người nước Tề, tính rất hiếu, được bổ làm Thái-thú ở quận Bình-lãng, đến nhậm chức chưa được 10 hôm, bỗng tự nhiên thấy tâm thần bàng hoàng, mồ hôi chảy ra như tắm, ông biết là ở nhà có việc chẳng lành, bèn từ chức về quê ; khi về đến nhà thì cha bị ốm đã hai ngày, ông thấy thầy thuốc nói rằng : « Những người ốm mà phân đắng thì dễ chữa, không đáng lo ngại, người nào ốm mà phân ngọt thì khó chữa » ; ông nếm phân của cha thấy ngọt, ông lấy làm lo-ngại, cứ đêm đêm ba lần đốt hương hướng về sao Bắc-đẩu mà khẩn, xin chết thay cho cha. Sau năm mơ thấy có người cầm thẻ vàng có mấy chữ : « sắc trời cho bình an ». Ngày hôm sau cha ông được qua khỏi.

到縣未旬日
椿堂遺疾深
願將身代死
嘗糞起憂心

Phiên âm :

Đào huyện vị tuần nhật,
Xuân-đình tao tật thâm,
Nguyên tương thân đại tử,
Thường phần khởi ưu tâm.

Giải nghĩa đen :

Làm quan đến nhậm chức chưa được 10 ngày,
Cha ở nhà bị đau nặng,
Xin lấy mình chết thay cho cha,

Nấm phân sinh lòng lo-ngại.

Dịch nôm :

Tới huyện-nha, chữa bao lâu,
Xuân-đường thoát bị bệnh đau ở nhà,
Khẩn trời xin chết thay cha,
Nấm phân thấy ngọt biết là bệnh nguy.

22) THÔI PHỤ ĐƯỜNG-THỊ 崔婦唐氏

Đường-thị là vợ một nhà họ Thôi, thờ mẹ chồng rất hiếu, mẹ chồng tuổi già răng móm, không nhai được cơm. Đường-thị cứ hằng ngày tắm-rửa sạch-sẽ, rồi đến cho mẹ chồng bú ; hàng mấy năm mẹ chồng không phải ăn cơm mà cũng no. Cảm ơn ấy mẹ chồng không biết lấy gì đáp lại, khi mẹ chồng sắp chết, có khấn-nguyện với trời xin cho con-cháu dâu nhà họ Thôi ngày sau, ai ai cũng được hiếu-thảo như Đường-thị cả. Rồi sau các con-cháu dâu nhà họ Thôi bắt chước nhau người nào cũng hiếu-thuận. Vì thế, nhà họ Thôi được hưng-thịnh.

孝報崔家婦
乳姑晨盥梳
此恩無以報
願得子孫如

Phiên âm :

Hiếu báo Thôi gia phụ,
Nhũ có thân quán sớ,
Thử ân vô dĩ báo,
Nguyện đắc tử tôn như.

Giải nghĩa đen :

Vợ họ Thôi ở có hiếu với mẹ chồng,
Hàng ngày tắm-rửa rồi cho mẹ chồng bú,
Ơn ấy mẹ chồng không lấy gì báo lại,
Khấn trời mong cho con cháu dâu của Đường-thị lại hiếu-thảo với Đường-thị.

Dịch nôm :

Dâu họ Thôi hiếu-thảo thay,
Cho mẹ chồng bú, hằng ngày tắm lau,
Giả ơn khẩn nguyện về sau,
Dâu nào cũng hiếu như dâu họ Đường.

23) CHU THỌ XƯƠNG 朱壽昌

Chu thọ Xương sinh vào đời nhà Tống, ông là con vợ thứ, năm ông lên 7 tuổi, thì mẹ đích ông đuổi mẹ ông đi, sau ông được làm quan, nghĩ đến công mẹ đẻ khó nhọc, nay mình được sung-sướng, để mẹ đẻ lưu-lạc trong lòng ông không đành. Ông quyết từ quan đi tìm mẹ đẻ. Trước khi đi, ông có thề rằng : « Nếu không tìm thấy mẹ, thì chết cũng đành ». Sau ngẫu-nhiên đi đến Đồng-châu thì mẹ con gặp nhau. Mẹ con xa cách nhau đã 50 năm nay lại được gặp nhau, rất là vui-vẻ, ông bèn đem mẹ về phụng-dưỡng.

七歲生離母
參商五十年
一朝相見面
喜氣動皇天

Phiên âm :

Thất tuế sinh ly mẫu,
Sâm Thương ngũ thập niên,
Nhất triêu tương kiến diện,
Hỷ khí động Hoàng Thiên.

Giải nghĩa đen :

Lên 7 tuổi bị lìa xa mẹ đẻ,
Như sao hôm sao mai đã 50 năm trời,
Một sớm được thấy mặt nhau,
Vui-mừng cảm-động đến trời.

Dịch nôm :

Mẹ con chia rẽ đôi nơi,

Sâm Thương xa cách năm-mười năm tròn,
Bỗng đâu mẹ lại gặp con,
Mừng này ai biết hỡi còn hôm nay.

24) HOÀNG ĐÌNH KIÊN 黃庭堅

Hoàng đình Kiên sinh vào đời nhà Đường, làm quan đến chức Thái-sử (quan coi việc chép sử) thờ cha mẹ rất hiếu, tuy mình làm quan sang, có nhiều đầy-tớ hầu-hạ nhưng các đồ của cha mẹ dùng để đại tiểu tiện, dù dơ-bẩn đến đâu, ông cũng tự tay rửa lấy, không sai người nhà lau rửa bao giờ cả.

貴顯聞天下
平生孝事親
親身滌溺器
不用喚家人

Phiên âm :

Quý hiển văn thiên-hạ,
Bình sinh hiếu tự thân,
Thân thân địch niệu khí,
Bất dụng hoán gia-nhân.

Giải nghĩa đen :

Giàu-sang thiên-hạ ai cũng biết tiếng,
Ngày thường thờ cha mẹ rất hiếu,
Chính tay mình rửa đồ để đại tiểu tiện của cha mẹ,
Không sai người nhà làm việc ấy bao giờ cả.

Địch nôm :

Dù mình chức trọng quyền cao,
Tấm lòng hiếu-thảo khi nào dám sai,
Đồ thân dùng dẫu bẩn hôi,
Tay rửa lấy, chẳng sai ai bao giờ.

NHỊ-THẬP-TỨ HIẾU DIỄN CA

KHAI-MÀO

Người tai mắt đứng trong trời đất,¹
Ai là không cha mẹ sinh-thành,
Gương treo đất nghĩa trời kinh,²
Ở sao cho xứng chút tình làm con.
Chữ hiếu niệm cho tròn một tiết,
Thì suy ra trăm nết đều nên,³
Chẳng xem thuở trước thánh-hiền,
Thảo hai-mươi-bốn, thơm nghìn muôn thu.⁴

1) VUA ĐẠY THUẦN NHÀ NGU

Đức đại thánh họ Ngu, vua Thuần.⁵
Buổi tiềm long gặp vận hàn-vi,⁶
Tuổi xanh khuất bóng từ-vi⁷
Cha là Cổ Tẩu người thì ương-ương.⁸
Mẹ ghẻ lại tính càng khe khắt⁹
Em Tượng thêm rất mực kiêu-ngoa,¹⁰
Một mình thuần cả vừa ba¹¹
Trên chiều cha mẹ, dưới hòa cùng em.
Trăm cay-đắng, một niềm ngon-ngọt,
Dầu tử sinh không chút biến dời,
Xót tình khóc tối, kêu mai,¹²
Xui lòng ghen-ghét hóa vui dần dần.¹³
Trời cao thăm mấy lần cũng đến,
Vật vô tri cũng mến lọ người,
Mấy phen non Lịch pha-phôi,¹⁴
Cỏ, chim vì nhật, ruộng, voi vì cày.¹⁵
Tiếng hiếu hữu xa bay bệ thánh,¹⁶
Mệnh trưng-dung trao chánh nhường ngôi,¹⁷
Cầm-thi xiêm áo thành thời,¹⁸
Một nhà đầm-ấm, muôn đời ngợi-khen.

2) VUA VĂN-ĐẾ NHÀ HÁN

Kìa Văn-đế vua hiền Hán-đại,¹⁹
Vâng ấn phong ngoài cõi Phiên-vương²⁰
Quên mình chức cả quyền sang,
Phụng thờ Bạc-hậu lễ thường chẳng sai.²¹
Đến khi nổi ngôi trời trị nước,
Vẫn lòng này sáng-sắc như xưa,
Mẹ khi ngại gió kinh mưa,²²
Ba năm hầu-hạ, thường như một ngày.
Mắt chong bóng dấm sai giấc ngủ,²³
Áo luôn mình dấm số đai lưng,²⁴
Thuốc thang mắt xét, tay nâng,
Có tường trong miệng, mới dăng dưới màn,²⁵
Tiếng nhân-hiếu đồn vang thiên-hạ,²⁶
Thói thuần-lương hóa cả lê-nguyên.²⁷
Hai mươi năm lễ kiên-khôn,²⁸
Đả sau Tam-Đại, hãy còn Thành, Khang,²⁹
Ấy hay vị đế-vương đời trước,
Chữ hiếu dành đá tạc vàng in,³⁰
Còn ra sĩ, thứ, đấng hiền,³¹
Đến xem mấy kẻ tiếng truyền đến nay.

3) TẶNG-TỬ ĐỜI NHÀ CHU

Đời Chu-mạt có thầy Tăng-tử, ³²
Thờ mẹ cha thời giữ chí thành, ³³
Bữa thường rượu thịt ngon-lành,
Cho ai, vâng cứ đình-ninh chẳng rời. ³⁴
Nhà bần-bạc thường vui hái củi, ³⁵
Quãng mù xanh thui-thủi non sâu, ³⁶
Mẹ ngồi tựa bóng cửa sau, ³⁷
Nhân khi khách đến, trông mau con về.
Rồi trong dạ nhân khi cùng-túng, ³⁸
Cẩn ngón tay cho động lòng con,
Trông non bỗng chốc bõn-chồn,
Quặn đau khúc ruột, bước dồn gót chân. ³⁹
Quỳ dưới gối ghé gần thưa hỏi,
Lắng bên tai nghe giải nguồn cơn,
Cho hay từ, hiểu, tương-quan, ⁴⁰
Non Đồng khi lở, khôn hàn tiếng chuông. ⁴¹

4) MÃN TỬ-KHIÊN NHÀ CHU

Thầy Mẫn-tử rất đường hiếu-nghĩa,
Xót nhà huyền quạnh-quẽ đã lâu,⁴²
Thờ cha sớm viếng, khuya hầu,⁴³
Chẳng may gặp phải mẹ sau nông-nàn.⁴⁴
Trời đương tiết đông-hàn lạnh-lẽo,⁴⁵
Hai em thời kếp áo dày bông,⁴⁶
Chẳng thương chút phận long-đong,
Hoa lau nở để lạnh-lùng một than.⁴⁷
Khi cha dạo theo chân xe đẩy,⁴⁸
Rét căm-căm nên xảy rời tay,
Cha nhìn ngẫm nghĩ mới hay,
Nghiến răng rắp cắt đứt dây xướng tùy,⁴⁹
Gạt nước mắt, quỳ chân miệng gửi :⁵⁰
« Lạy cha, xin xét lại nguồn cơn,
« Mẹ còn, chịu một thân đờn⁵¹
« Mẹ đi, luống để cơ-hàn cả ba ».⁵²
Cha trông xuống cũng sa giọt tủi,
Mẹ nghe lời cũng đổi lòng xưa,⁵³
Cho hay hiếu cảm nên từ,⁵⁴
Thấm lâu như đá cũng rừ lọ ai ?⁵⁵

5) TỬ LỘ NƯỚC LỖ

Thầy Tử Lộ cũng người nước Lỗ,
Thờ hai thân từng bữa canh lê,⁵⁶
Thường khi đội gạo đi về,⁵⁷
Xa-xôi trăm dặm, nặng-nề hai vai.
Đỉnh Hoa-biểu từ khơi bóng hạc,⁵⁸
Gót Nam-du nhẹ bước tang-bồng,⁵⁹
Xe trăm cỗ, thóc muôn chung,⁶⁰
Ngồi chõng đẽm ghép, ăn chõng vạc cao,⁶¹
Thân phú-quí ngấm vào thêm túi,⁶²
Đức cù-lao chạnh tới càng đau,⁶³
Nào khi đội gạo, canh rau,
Muốn còn như cũ, dễ hầu được ru !
Lòng thắc-mắc nghìn thu vẫn để,
Biết bao giờ cam-chỉ đền công,⁶⁴
Cho hay dạ hiếu khôn cùng,
Dẫu Tam-Công chẳng đổi lòng thần-hôn.⁶⁵

6) DIỄM TỬ

Chu, Diễm-tử làm con rất thảo,
Chiều hai thân tuổi lão niên cao,⁶⁶
Mắt trần khuất nguyệt mờ sao,⁶⁷
Sữa hươu người những ước-ao từng ngày.
Vật khó kiếm khôn hay thường dãi,
Phải lo phương tìm-tòi cho ra,
Hươu khô tìm lột lấy da,
Mặc làm sắc áo để hòa lẫn theo.⁶⁸
Chốn non thăm tìm vào bầy-lúa,
Sẽ dẫn-dà lấy sữa nuôi than,⁶⁹
Bồng đầu gặp lũ đi săn,
Rắp buông cung bắn khôn phân vật người.⁷⁰
Đem tâm-sự tới nơi bầy-tỏ,
Chút hiểu tình nghe rõ cũng thôi,
Cho hay chung một tính trời,
Mảnh son cũng động được người vũ-phu.⁷¹

7) LÃO LAI-TỬ

Lão Lai-tử đời Chu, cao-sĩ, ⁷²
Thờ hai thân chẳng trể ngọt bùi, ⁷³
Tuổi già đã đúng bảy mươi,
Nói-năng chẳng chút hờ môi răng già.
Khi thông-thả mẹ cha ngồi trước,
Ghé gần vào bắt-chước trẻ thơ, ⁷⁴
Thấp cao điệu múa nhớn-nhờ,
Xênh-xoang màu áo, bạc phơ mái đầu. ⁷⁵
Chốn đường thượng khi hầu bưng nước, ⁷⁶
Giả làm điều ngã trước thềm hoa,
Khóc lên mấy tiếng oa oa,
Tưởng chừng lên bảy lên ba thuở nào.
Trên tuổi-tác trông vào vui-vẻ, ⁷⁷
Áng đình-vi gió thụy mưa xuân ⁷⁸
Cho hay nhân tử sự than, ⁷⁹
Trong trăm năm được mấy lần ngày vui. ⁸⁰

8) ĐÔNG VĨNH ĐỜI HẬU-HÁN

Đời Hậu-Hán có người Đông Vĩnh,⁸¹
Nhà rất nghèo mà tính rất thanh,⁸²
Thấu chẳng, chẳng thấu trời xanh,
Phụ-tang để đó, nhân-tình còn chi!⁸³
Liều thân-thể làm thuê công-việc,
Miễn cầu cho thể-phách được yên.⁸⁴
Cực người thay ! nhẽ đồng tiền,
Đem thân hiếu-tử, bằng miền phú-gia,⁸⁵
Bỗng gặp kẻ đàn-bà đầu đó,
Xin kết làm phu-phụ cùng đi,⁸⁶
Lựa ba trăm tấm dệt thuê,
Trả xong nợ ấy mới về cùng nhau.
Tới chốn gặp bỗng đâu thoát biển,⁸⁷
Là tiên-cô trời khiến giúp công,⁸⁸
Mới hay trời vốn ở lòng,
Há rằng cao thăm nghìn trùng mà xa.

9) QUÁCH CỰ NHÀ HÁN

Hán, Quách Cự cửa nhà sa-sút,
Thờ mẫu-thân chăm-chút mọi bề, ⁸⁹
Con còn ba tuổi biết gì,
Bữa ăn từ-mẫu thường thì bớt cho. ⁹⁰
Trông thấy mẹ bữa no, bữa đói,
Vời hiền-thê than nỗi khúc-nôi : ⁹¹
« Mẹ già đã chẳng hay nuôi,
« Để con sẻ ngọt, chia bùi sao đang ?
« Vợ chồng ta còn phen sinh đẻ,
« Mẹ già rồi, hồ dễ được hai ». ⁹²
Nói thôi, giọt ngắn giọt dài,
Đào ba thước đất để vùi tình thâm. ⁹³
May đâu thấy hoàng-câm một hũ, ⁹⁴
Chữ « Trời cho » đề rõ rành rành, ⁹⁵
Cho hay trời khéo ngọc thành, ⁹⁶
Hiếu tâm đâu để đoạn tình cha con. ⁹⁷

10) KHƯƠNG THI ĐỜI HÁN

Hán, Khương Thi nhà còn lão-mẫu, ⁹⁸
Vợ họ Bàng vện đạo chữ tòng, ⁹⁹
Mẹ thường muốn uống nước sông,
Vợ từng đi gánh thay chồng hầu cô. ¹⁰⁰
Mẹ thường muốn ăn đồ gói-ghém,
Vợ chồng đều tìm kiếm đủ mùi,
Lại mời lân-ấu sang chơi, ¹⁰¹
Để bồi cùng mẹ cho vui bạn già. ¹⁰²
Bên nhà bỗng chảy ra suối ngọt,
Với nước sông in một mùi ngon, ¹⁰³
Lý-ngư ngày nhảy hai con, ¹⁰⁴
Đủ trong cung-cấp thần-hôn thường lễ. ¹⁰⁵
Rày thong-thả bỏ khi lặn-đạn, ¹⁰⁶
Cam thỏa lòng dâu thuận, con hiền,
Cho hay gia-đạo khi nên, ¹⁰⁷
Đã con hiếu, lại được hiền cả dâu.

11) THÁI THUẬN NHÀ HÁN

Người Thái Thuận ở sau đời Hán,
Dạ thờ thân tiết loạn khôn lay ¹⁰⁸
Đương cơn khói-lửa mây bay, ¹⁰⁹
Liên năm hoang-khiếm ít ngày đủ no. ¹¹⁰
Nơi rừng rậm kiếm đồ nuôi mẹ,
Nhặt quả dâu chia để làm hai.
Tặc-đồ trông thấy nực cười, ¹¹¹
Hỏi : « Sao bày-đặt đôi nơi cho phiền ! » ¹¹²
Rằng : « Quả ấy sắc đen thì ngọt.
« Dâng mẹ già gọi chút tình con,
« Còn là sắc đỏ chẳng ngon,
« Cái thân cay-đắng dám còn sợ chua ! »
Giặc nghe nói khen cho hiếu kính,
Bước lưu-ly mà gánh cương-thường, ¹¹³
Truyền quân của tiễn sẵn-sàng,
Vó trâu một chiếc, gạo lương một bầu. ¹¹⁴
Mừng trong dạ, bước mau nhẹ gót,
Về tới nhà, miếng sốt dâng qua. ¹¹⁵
Cho hay người cũng người ta,
Biết đâu đạo-tặc, chẳng là lương-tâm ? ¹¹⁶

12) ĐÌNH LAN NHÀ HÁN

Hán, Đình Lan thuở còn thơ-ấu,
Bóng xuân-huyền khuất dấu non xanh. ¹¹⁷
Đến nay tuổi đã trưởng-thành, ¹¹⁸
Cám công sơn-hải, thiết tình trân-cam. ¹¹⁹
Tưởng dung-mạo khắc làm mộc tượng, ¹²⁰
Cứ bữa thường phụng-dưỡng như sinh, ¹²¹
 Khi chăn-gối, buổi cơm-canh,
Mấy mươi năm, vẫn lòng thành trước sau.
Phải người vợ, kính lâu nên trẻ, ¹²²
 Thử lấy kim châm kẽ ngón tay,
 Bỗng đâu giọt máu chảy ngay,
Ai hay tượng gỗ lâu ngày thiêng sao !
 Khi đến bữa chồng vào đặt lễ,
Mắt tượng rơi hàng lệ chứa-chan, ¹²³
 Xét xem mới biết nguồn cơn,
Nổi bưng lá giận, dứt tan dây tình. ¹²⁴
Há phải nhẫn, mà đành phụ nghĩa, ¹²⁵
 Hiếu với tình nặng nhẹ phải cân,
 Cho hay thành hản nên thần, ¹²⁶
Há rằng u, hiển, mà phân vong, tồn. ¹²⁷

13) LỤC TÍCH NHÀ HÁN

Hán, Lục Tích thuở còn sáu tuổi,
Quận Cửu-giang, đến với họ Viên,¹²⁸
Trẻ thơ ai chẳng yêu khen,
Quít ngon đặt tiệc tiểu-diên đãi cùng.¹²⁹
Cất hai quả vào trong tay áo,
Tiệc tan xong từ-cáo lui chân,
Trước thềm khúm-núm gửi than,¹³⁰
Vô tình quả quít nảy lặn ra ngoài.
Viên trông thấy cười cười, hỏi hỏi,
Sao khách hiền mang thối trẻ-thơ ?
Thưa rằng : « Mẹ vốn tính ưa,
« Vật ngon dành lại để đưa mẹ thì ». ¹³¹
Viên nghe nói trọng-vì khôn xiết,
Bé con con mà biết hiếu than,¹³²
Cho hay phú dữ thiên chân,¹³³
Sinh ra ai cũng sẵn phần thiện-đoan. ¹³⁴

14) GIANG CÁCH NHÀ HÁN

Hán, Giang Cách cô-đơn từ bé,¹³⁵
Bước truân-chuyên với mẹ đồng cư,
Đương cơn loạn-lạc bơ vơ,
Một mình cõng mẹ vẫn-vơ dọc đường.
Từng mấy độ chiến-trường gập giặc,
Giặc cố tình hiếp bắt đem đi,
Khóc rằng : « Thân mẹ lưu-ly,
« Tuổi già bóng chếch biết thì cậy ai ! »¹³⁶
Giặc nghe nói thoát thôi chẳng nữa,
Rồi dần dà qua ở Hạ-bì,¹³⁷
Dẫn mình gánh mướn làm thuê,
Miễn nuôi được mẹ, quản gì là thân.
Mọi đồ-vật sắm dần đủ hết,
Áng xuân-phong tươi nét từ-nhan,¹³⁸
Cho hay những lúc gian-nan,
Thật vàng, dầu mấy lửa than cũng vàng.¹³⁹

15) HOÀNG HƯƠNG ĐỜI ĐÔNG-HÁN

Đời Đông-Hán Hoàng Hương chín tuổi,
Khuất bóng từ dò-dõi nhớ thương, ¹⁴⁰
Hạt châu khôn ráo hai hàng,
Tiếng hiền đồn dậy trong làng đều khen,
Thờ nghiêm-phụ cần chuyên khuya sớm, ¹⁴¹
Đạo làm con chẳng dám chút khuây,
Trời khi nắng hạ chầy chầy,
Quạt trong màn gối hơi bay mát rằm. ¹⁴²
Trời đông buổi sương dầm tuyết thắm, ¹⁴³
Ấp hơi mình cho ấm chiếu-chăn. ¹⁴⁴
Vì con cha được yên thân,
Bốn mùa không biết có phần hạ đông. ¹⁴⁵
Tiếng hiếu-hạnh cảm lòng quận-thú, ¹⁴⁶
Biểu nêu treo chói đỏ vàng son,
Cho hay tuổi trẻ mà khôn,
Nghìn thu biết đạo làm con mấy người ?

16) VƯƠNG THÔI ĐỜI TẤN

Ngụy vương Thôi gặp đời Tây-Tấn ¹⁴⁷
Vì thù cha lánh ẩn cao bay, ¹⁴⁸
Bên mồ khóc đã khô cây ¹⁴⁹ ,
Trọn đời ngồi chẳng hưởng tây lúc nào. ¹⁵⁰
Khi sấm-sét tìm vào mồ mẹ,
Lạy khóc rằng : « Con trẻ ở đây », ¹⁵¹
Bởi vì tính mẹ xưa nay,
Vốn từng sợ sấm những ngày gió mưa.
Nên coi sóc chẳng từ sớm tối,
Thần-phách yên, dạ mới được yên. ¹⁵²
Trong khi đọc sách giảng truyền, ¹⁵³
Tới câu : « sinh ngã », lệ tràn như tuôn. ¹⁵⁴
Ngập-ngừng kẻ cấp môn cũng cảm, ¹⁵⁵
Thơ « Lục-nga » chẳng dám còn ngâm, ¹⁵⁶
Cho hay thử lý thử tâm, ¹⁵⁷
Sư, sinh cũng tấm tình thâm khác gì. ¹⁵⁸

17) NGÔ MÃNH NHÀ TẤN

Tấn, Ngô Mãnh tuổi thì lên tám,
Lòng sợ thân chẳng dám khi nhân, ¹⁵⁹
Cực về một nỗi bần-hàn,
Có giường trong đặt, không màn ngoài che, ¹⁶⁰
Trời đương buổi đêm hè nóng-nảy,
Trời muỗi kêu vang dậy dường mưa
Xót thay ! hai đấng nghiêm, từ, ¹⁶¹
Để người chịu muỗi, bây giờ biết sao ! ¹⁶²
Nghĩ da thịt phương nào thay lấy ? ¹⁶³
Quyết nằm trần, muỗi mầy chẳng xua,
Rầu lòng cho muỗi được no,
Để người êm-ái giấc hòe cho nên. ¹⁶⁴
Tuổi tuy bé mà gan chẳng bé,
Dạ ái thân đến thế thời thôi, ¹⁶⁵
Cho hay phú tính bởi trời,
Những đau trong ruột, dám nài ngoài da. ¹⁶⁶

18) VƯƠNG TƯỜNG NHÀ TẤN

Người Vương Tường cũng là đời Tấn,
Tủi huyên-đường sớm lẫn bóng xa, ¹⁶⁷
Mẹ sau gặp kẻ chua-ngoạ, ¹⁶⁸
Tiếng gièm thêu-dệt với cha những điều. ¹⁶⁹
Lòng cha chẳng còn yêu như trước,
Lòng con thường chẳng khác như xưa,
Mẹ thường muốn bữa sinh-ngư, ¹⁷⁰
Giá đông trời lạnh bây giờ tìm đâu ? ¹⁷¹
Trên vầng đóng, quyết cầu cho thấy, ¹⁷²
Cởi áo nằm rét mấy cũng vui,
Bồng đâu vầng lở làm hai,
Lý-ngư may được một đôi mang về. ¹⁷³
Bữa cung-cấp một bề kính thuận.
Mẹ cha đều đổi giận làm lành,
Cho hai hiểu cảm tại mình,
Dẫu trăm giận, lúc hạ tình cũng thôi. ¹⁷⁴

19) DƯƠNG HƯƠNG ĐỜI TẤN

Tấn, Dương Hương mới mười-bốn tuổi,
Cha bước ra hăng ruổi theo cha, ¹⁷⁵
Phải khi thăm lúa đường xa,
Chúi thân tuổi-tác thoát sa miệng hùm, ¹⁷⁶
Đau con mắt hằm hằm nổi giận, ¹⁷⁷
Năm tay vợ-vẫn giữa đường,
Hai tay chặn dọc đê ngang,
Ra tay chống với hổ-lang một mình. ¹⁷⁸
Hùm mạnh phải nhả nanh lách gót, ¹⁷⁹
Hai cha con lại một đoàn về,
Cho hay hiểu mạnh hơn uy, ¹⁸⁰
Biết cha thôi lại biết chi có mình. ¹⁸¹

20) MẠNH TÔNG NƯỚC NGÔ

Ngô, Mạnh-Tông phụ-thân sớm khuất, ¹⁸²
Thờ mẫu-thân lòng thực khăng khăng, ¹⁸³
 Tuổi già trần-trọc bán khoăn,
Khi đau nhớ bát canh măng những thêm.
 Trời đông tuyết biết đâu tìm được, ¹⁸⁴
 Chốn trúc-lâm phải bước chân đi, ¹⁸⁵
 Một thân ngồi tựa gốc tre,
 Ôm cây kêu khóc năn-nì với cây,
Giữa bình-địa phút giây bỗng nút, ¹⁸⁶
 Mấy dò mặng mặt đất nổi lên, ¹⁸⁷
 Đem về điều đặt bữa canh, ¹⁸⁸
 Ăn rồi, bệnh mẹ lại lành ¹⁸⁹ như xưa.
 Măng mùa lạnh bây giờ mới thấy,
 Để về sau nhớ lấy cỏ cây, ¹⁹⁰
 Cho hay hiểu động cao dày, ¹⁹¹
Tình sâu nên khiến cỏ cây cũng tình. ¹⁹²

21) SỨU KÌM LÂU NƯỚC TỀ

Sứu Kim Lâu có danh Tề quốc, ¹⁹³
Huyện Bình-lăng nhận chức thân dân, ¹⁹⁴
Tới nha chưa được một tuần, ¹⁹⁵
Mồ-hôi như dội, tâm-thần thường đau.
Treo ấn ruổi vó câu buồn-bã, ¹⁹⁶
Về thăm cha bệnh đã hai ngày,
Nắm dơ vâng cứ lời thầy, ¹⁹⁷
Ngọt-ngào đầu lưỡi, chua-cay trong long, ¹⁹⁸
Thấy chữ dạy « bệnh trung nghi khổ ». ¹⁹⁹
Ước làm sao bệnh đỡ mới cam, ²⁰⁰
Đêm đêm hướng bắc triều tam, ²⁰¹
Xin đem tính-mệnh thay làm thân cha. ²⁰¹
Lòng cầu-khẩn thấu tòa tinh-tú, ²⁰²
Chữ bình-an vui-thú đình-vi, ²⁰³
Cho hay máy động huyền-vi, ²⁰⁴
Thay mình truyện trước còn ghi kim-đăng. ²⁰⁵

22) ĐƯỜNG-THỊ VỢ HỌ THÔI

Dâu họ Thôi, ai bằng Đường-thị,
Thương mẹ chồng niên-kỷ đã cao,²⁰⁶
Không răng ăn dễ được nào.²⁰⁷
Ngày ngày lau-chải ra vào thăm coi.²⁰⁸
Lấy sữa ngọt thay mùi cơm cháo,²⁰⁹
Mấy năm trời chẳng gạo mà no,²¹⁰
Vì dâu dộc dạ thờ cô,²¹¹
Da mỗi tóc bạc bốn mùa như xuân,²¹²
Ơn lòng ấy khôn phần báo lại,
Buổi lâm-chung nhủ với hoàng-thiên²¹³
Xin cho nguyên được như nguyên,
Dâu dâu ngày khác lại hiền như dâu.²¹⁴
Ai nghe cũng răn nhau hiếu kính,
Cửa Thôi-gia hưng-thịnh đời đời,²¹⁵
Cho hay gia-khánh lâu đài,²¹⁶
Báu nào còn báu hơn người dâu ngoan.²¹⁷

23) CHU THỌ XƯƠNG NHÀ TỔNG

Chu thọ Xương làm quan Tổng-đại, ²¹⁸
Mẹ sinh ra bảy tuổi là long, ²¹⁹
Bởi vì đích-mẫu chẳng dung. ²²⁰
Đem thân bồ-liễu, bạn cùng nước non. ²²¹
Muôn nghìn dặm, mẹ con xa khuất,
Năm mươi năm trời đất bơ-vơ, ²²²
Sinh con những tưởng cậy-nhờ,
Cái thân sung-sướng bây giờ mà chi ? ²²³
Bỏ quan chức, quyết đi tìm-tòi,
Năm lời thề nói với gia-nhân : ²²⁴
« Thân này chẳng gặp từ-thân, ²²⁵
« Thời liều sống thác với thân cho đành ».
Trời đâu phụ lòng thành hiếu-tử, ²²⁶
Chốn Đông-châu bỡ-ngỡ gặp nhau, ²²⁷
Nét mừng ai vẽ nên đâu,
Mẹ đầu nhuộm tuyết, con đầu hoa râm. ²²⁸
Đã bỏ lúc than thầm khóc ngấm,
Lại vầy nên trên ấm dưới êm,
Cho hay máu chảy ruột mềm,
Không trời ai tưởng còn tìm được đây ?

24) HOÀNG ĐÌNH KIÊN (Tăng Trực) NHÀ TỐNG

Triều Nguyên-hựu có thầy Tăng Trực. ²²⁹
Là họ Hoàng ngồi chức Sử-thần, ²³⁰
Ơn vua đã nhẹ tẩm than, ²³¹
Phận con vẫn giữ thờ thân như ngày,
Đồ dơ-bẩn thân tay lau-chuốt, ²³²
Việc tầm-thường chẳng chút đờn sai,
Há rằng sai-khiến không ai,
Đem thân quan-trưởng thay người gia-nô, ²³³
Chức nhân-tử phải cho cần-khổ, ²³⁴
Có mẹ cha mới có thân ta,
Cho hay đạo chẳng ở xa,
Hay làm hiếu-tử mới ra trung-thần. ²³⁵

KẾT LUẬN

Bấy nhiêu tích cổ nhân về trước, ²³⁶
Cách nghìn xưa như tạc một lòng.
Kể chi kẻ đạ người cùng, ²³⁷
Lọt lòng ai trốn khỏi vòng di-luân. ²³⁸
Buổi công hạ cảm thân dày đội, ²³⁹
Xa hương-quan gần cõi thánh-hiền, ²⁴⁰
Trông vào những thẹn bóng đèn,
Muốn lưu gia-phạm, nên truyền quốc-âm. ²⁴¹

= CHUNG =

Vào đầu niên-khoá năm 1958-59, với chương-trình Trung-học mới được chấp-thuận, Nhà xuất-bản « **TÂN VIỆT** » sẽ hiển các bạn học-sinh Trung-học nhiều quyển sách giáo-khoa giá-trị :

- Bình-giảng về Tự lực văn đoàn (Khái Hưng, Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Thế Lữ) của Nguyễn Văn Xung (Giáo-sư trường Trung-học Pellerin, Huế).

- Tản-đà Nguyễn Khắc Hiếu (Thân-thế và sự-nghiệp văn-chương) của Hà Như Chi (Tác-giả Việt-nam Thi-văn giảng-luận).

- Giảng luận về Nguyễn Công Trứ (Phương-pháp giảng-luận mới đủ các tài-liệu cần-thiết để hiểu giảng văn, làm tập văn) của Lam Giang.

- 50 Bài luận Pháp-văn (Luyện thi Brevet d'études du 1^{er} cycle và Trung-học Đệ-nhất cấp) của Trần Văn Khuê (Giáo-sư Trường Kỹ-thuật Cao Thắng, Saigon).

- Một thời lãng-mạn trong thi-ca Việt-Nam của Hà Như Chi.

- Nghị-luận luân-lý (Phương-pháp có chứng-dẫn, bài mẫu có phê chú) của Lam Giang.

NHÀ-XUẤT-BẢN TÂN VIỆT

Sáng-lập năm 1937

Đã xuất-bản trên 350 thứ sách giá-trị

SÁCH GIÁO-KHOA « TÂN VIỆT »

Loại cổ văn chú-thích và dẫn-giải

ĐÃ CÓ BÁN :

- Truyện Thuý Kiều
- Truyện Hoa Tiên
- Chinh-phụ ngâm-khúc
- Cung-oán ngâm-khúc
- Lục Vân Tiên
- Truyện Trê Cóc
- Truyện Trinh Thử
- Lục súc tranh công
- Truyện Phan Trần
- Nguyễn Cư Trinh với Sãi Vãi
- Hoa diểu tranh năng
- Hạnh-thục ca
- Ngư Tiều vấn-đáp
- Nhị độ Mai
- Bích-câu kỳ ngộ
- Nữ Tú-tài và Bần nữ thán
- Gia huấn ca
- Nhị-thập tứ hiếu
- Quan-Âm Thị Kính

CÒN MỘT SỐ ÍT :

- VIỆT-NAM SỬ-LƯỢC (In lần thứ năm) của Cụ Trần Trọng Kim.

NHỊ-THẬP-TỨ HIẾU của **Chu-Lang CAO HUY GIU** đính-chính và chú-thích. In lần thứ hai do nhà **TÂN VIỆT** xuất-bản. Ngoài những bản thường, có in riêng sáu bản trên giấy trắng không bán. Giấy phép xuất-bản số 134/T.X.B Bộ T.T.N.V.

NHỊ-THẬP-TỨ HIẾU

In lần thứ hai

Giá Nam-việt : 12\$00

Giá các nơi : 14\$00

Notes

[← 1]

Người tai mắt : làm người phải tai nghe tinh, mắt trông sáng.

[←2]

Bởi câu chữ Hán ở sách Hiếu-kinh « *Hiếu giả thiên chi kinh dã, địa chi nghĩa dã* » 孝者天之經也,地之義也 : Hiếu là đạo thường của trời, lễ phải của đất.

[←3]

Bởi câu chữ Hán « *Hiếu vi bách hạnh chi tiên* » 孝為百行之先 : Hiếu là đầu trăm nết. Và câu « *Nhất hiếu lập nhi vạn thiện tùng* » 一孝立而萬善從 : đã biết hiếu thì muôn điều hay bởi đấy mà ra.

[←4]

Thảo : tức là hiểu.

Mùa thu, tức là năm. *Muôn thu* : muôn năm.

[←5]

Tên là Thuấn 舜, làm vua nhà Đại-Ngu 大虞 bên Tàu ngày xưa.

[←6]

Bởi chữ « *Tiềm-long* » 潛龍 trong quẻ Kiền 乾 Kinh Dịch 經易 : con rồng còn ẩn nấp dưới vực, ý nói lúc chưa gặp thời.

[←7]

Tuổi xanh : bởi chữ thanh-niên 青年, nói lúc còn ít tuổi, tuổi còn xanh.

Từ 慈 : là lành, hiền ; *Vi 帷* : là cái màn che trong nhà nói bóng là mẹ.

Câu này nói bóng là mẹ chết sớm.

[←8]

Cổ Tẩu 瞽叟 : mù lòa, vì cha sinh ra vua Thuấn không biết kẻ hay người dở, có mắt cũng như mù, cho nên người đời bấy giờ tặng cho cái tên là Cổ Tẩu.

[←9]

Mẹ ghẻ : tức là mẹ kế.

Khe khắt : ác-nghiệt.

[← 10]

Em Tượng : em cùng cha khác mẹ với vua Thuần.

[← 11]

Cha, mẹ và em là ba người.

[←12]

Bởi câu chữ Hán trong sách Mạnh-tử « *Thuần vãng vu điền, hào khắp vu mân thiên* » 舜往于田號泣于旻天 : vua Thuần mỗi khi ra cày ruộng, lại kêu khóc với trời, cầu cho cha mẹ kể đời tâm lại.

[←13]

Lòng cha và mẹ kể ghét vua Thuấn, thì dần dần cũng hồi tâm lại.

[← 14]

Non Lịch : núi Lịch-sơn 歷山.

[←15]

Bởi câu chữ Hán « *Tượng canh điều vân* » 象耕鳥耘 : voi cày ruộng chim nhặt cỏ, ý nói lòng hiếu cảm cả đến loài chim muông là loài vô tri-thức.

[←16]

Hữu 友 : là hòa-thuận và yêu-dấu em.

Bệ thánh : chỗ vua ngồi, đến tai vua Nghêu biết là người hiếu hữu.

[← 17]

Trưng-dung 徵庸 : gọi ra mà dùng, trao chính-quyền nhường ngôi vua cha.

[←18]

Cầm 琴 : đàn cầm. *Thi* 詩 : thơ, bởi câu chữ Hán « *Thuấn đàn ngũ huyền chi cầm, ca nam phong chi thi* » 舜彈五絃之琴, 歌南風之詩 : vua Thuấn gảy đàn cầm 5 dây, hát bài thơ gió nam.

Xiêm áo thánh thới : bởi câu chữ Hán « *Thùy thường nhi thiên-hạ trị* » 垂裳而天下治 : mặc áo xiêm ngồi đấy mà thiên-hạ thịnh trị.

[← 19]

Hán-đại 漢代 : đời nhà Hán.

[←20]

Phiên-vương 藩王 : một chức vua Chư-hầu. Văn-đế trước được anh là Huệ-đế phong làm vương ở đất Đại 代 nên gọi là Phiên-vương (có bản chép là Tân-vương).

[←21]

Bạc-hậu 薄后 : mẹ đẻ vua Văn-đế, là vợ thứ của vua Hán cao-tổ.

Lễ thường chẳng sai : tức là « *Thần định hôn tình* » 晨定昏省 : sáng viếng tối thăm, lễ thường của đạo làm con.

[←22]

Õm-đau.

[←23]

Thức cả đêm không dám ngủ.

[←24]

Cứ đóng mũ áo đai cân đứng hầu mẹ ốm không dám cởi áo bỏ đai.

[←25]

Người đưa thuốc đến thì Văn-đế phải nếm trước xem có thuốc độc không đã, rồi mới dám dâng hầu mẹ uống. Theo đúng câu « *thân ẩm được tử tiên thường chi* » 親飲藥子先嘗之.

[←26]

Nhân 仁 : có lòng nhân-từ đối với nhân-dân. *Hiếu* 孝 : có lòng hiếu với mẹ.

[←27]

Thuần-lương 醇良 : thuần-hậu, lương-thiện.

Lê-nguyên 黎元 : dân đen, dân-chúng, ý nói các dân chúng trong thiên-hạ lúc bấy giờ ai cũng hóa ra thuần-hậu lương-thiện cả.

[←28]

Kiên 乾 : trời. *Khôn* 坤 : đất, ý nói vua Văn-đế ở ngôi hơn 20 năm.

[←29]

Tam-Đại 三代 : tức là nhà Hạ 夏, nhà Thương 商 và nhà Chu 周.

Thành là vua Thành-vương 成王, *Khang* là vua Khang-vương 康王 nhà Chu, hai ông này làm vua, trong nước được thịnh-trị cả. Ý nói nhà Hán vào sau nhà Hạ, nhà Thương, nhà Chu, mà vua Văn-đế làm vua thiên-hạ được thịnh trị như đời vua Thành-vương và Khang-vương ngày trước.

[←30]

Lòng hiếu của vua Thuần và vua Văn-đế đáng làm gương làm bia cho mọi người.

[←31]

Sĩ 士 người làm quan. *Thứ* 庶 : người dân thường, *Hiễn* 賢 : các bậc hiền triết.

[←32]

Chu-mạt 周末 : đời cuối nhà Chu.

[←33]

Chí thành 至誠 : rất thành thực.

[←34]

Bữa cơm cha mẹ ăn xong, còn thừa món ăn gì, ông Tăng-tử hỏi cha mẹ định để cho ai, thì cứ tuân theo ý của cha mẹ mà đem cho người ấy.

[←35]

Bần-bạc 貧薄 : nghèo túng.

[←36]

Quãng mù xanh : chỗ rừng xa tích mù xanh.

[←37]

Bởi câu chữ Hán « *Ý lư nhi vọng* » 倚閭而望 trong truyện Vương tôn Giả 王孫賈 : tựa cửa mà mong : khi nào con đi vắng, thì mẹ ngồi tựa cửa mong con về.

[←38]

Vì con đi kiếm củi rừng xa vắng, mà có khách đến chơi, không biết làm thế nào cho con về ngay được.

[←39]

Vội-vàng đi mau về nhà.

[←40]

Từ, hiếu tương-quan 慈孝相關 : lòng nhân-tử của mẹ và lòng hiếu-thảo của con có liên-quan với nhau.

[←41]

Bởi câu chữ Hán « *Đồng sơn tây khuynh, Lạc chung đồng ứng* » 銅山西傾, 洛鐘東應 : núi Đồng ở phương tây bị đổ thì cái chuông ở đất Lạc-dương về phương đông tự-nhiên có tiếng vang theo : ví với tình mẹ (núi Đồng) con (cái chuông) có liên-quan cảm-ứng với nhau, như Tăng-tử ở trong rừng, ở nhà mẹ cắn ngón tay, mà Tăng-tử thấy đau ruột.

[←42]

Nhà Huyền : tức là Huyền-đường 萱堂 Huyền tức là « vong ưu thảo » 忘憂草 là cỏ quên lo, hay là *nghi nam thảo* 宜草男 là cỏ hay đẻ con trai. Ngày xưa chỗ đằng sau buồng người mẹ ở hay trồng cỏ huyền, để cho quên sự lo buồn và hay đẻ con trai, cho nên sau này thường lấy cỏ huyền để nói bóng là mẹ.

Quạnh-quẽ : đây ý nói là mẹ đẻ ra Mẫn-tử chết đã lâu.

[←43]

Bởi câu chữ Hán « *Thần định hôn tình* » 晨省昏省 đã thích nghĩa ở trên.

[←44]

Mẹ sau tức là mẹ kế (người vợ kế của cha) *nồng-nàn* : cay-nghệt.

[←45]

Đông-hàn 冬寒 : mùa đông rét.

[←46]

Kép áo : mặc nhiều áo.

[←47]

Hoa lau : lấy hoa lau cho vào trong áo giả làm bông.

Lạnh-lùng một than : một mình Mẫn-tử.

[←48]

Dạo : là đi dạo chơi.

Theo chân xe đẩy : đẩy xe cho cha.

[←49]

Nghiến răng : ý nói là tức lắm.

Bởi câu chữ Hán « *Phu xướng phụ tùy* » 夫唱婦隨 : chồng xướng xuất ra việc gì, vợ tuân theo mà làm, tức là đạo vợ chồng, đây ý nói là người cha tức lắm muốn bỏ người vợ kẻ ấy đi.

[←50]

Gửi tức là thưa.

[←51]

Bởi câu « *Mẫu tại nhất tử hàn, mẫu khứ tam tử đan* » 母在一子寒母去三子單
(lời Mẫn-tử xin với cha).

[←52]

Bởi câu « *Mẫu tại nhất tử hàn, mẫu khứ tam tử đan* » 母在一子寒母去三子單
(lời Mẫn-tử xin với cha).

[←53]

Mẹ nghe lời : biết chuyện như thế.

[←54]

Lòng hiếu của Mẫn-tử làm cho cảm-động người mẹ kể cay-nghiệt hóa ra nhân-tử.

[←55]

Trơ như đá mà nước chảy mãi cũng phải mòn đi.

[←56]

Hai thân : hai cha mẹ.

Canh lê : nấu canh bằng rau lê, như rau dền rau muống chẳng hạn, ý nói cảnh nhà nghèo.

[←57]

Bởi câu chữ Hán « *Vị thân phụ mễ ư bách lý chi ngoạ* » 爲親負米於百里之外 : vì bố mẹ phải đi đội gạo ở đường xa trăm dặm.

[←58]

Hoa-biểu 華表 : cái cột đá ở má. Định lệnh Uy ngày xưa chết đi, hồn hóa làm con chim hạc, thường đêm bay về đậu ở cái cột đá trên má.

Bóng hạc : bởi câu chữ Hán « Hạc khứ lâu không » 鶴去樓空 : Chim hạc bay đi rồi, chỉ còn nhà không. Vì ngày xưa Thôi Đạo chết rồi, có người bạn đến thăm đề vào vách bốn chữ « hạc khứ lâu không » nên sau này thường dùng chữ « hạc » để nói là người chết.

[←59]

Nam-du 南遊 : đi du-thuyết miền Nam, ông Tử Lộ làm quan nước Sở, vì Sở ở về phương Nam.

Tang : cây dâu để làm cung.

Bồng : cỏ bồng để làm tên bắn ; cung tên là công-nghiệp của nam-nhi, cho nên nói về chí-khí của nam-nhi thường dùng chữ tang-bồng.

[←60]

Xe trăm cỗ : bởi chữ « *thiên tứ* » 千駟 : nghìn cỗ xe, tức là quan to.

Thóc muôn chung : bởi chữ « *lộc vạn chung* » 祿萬鐘 : ăn lương muôn thùng thóc, tức là lương nhiều.

[←61]

Ngồi chông đệm ghép : bởi chữ « *tạo trúng nhân* » 坐重茵 : xe ngồi trải hai cái đệm.

Ăn chông vạc cao : bởi chữ « *đỉnh thực* » 鼎食 : nấu món ăn bằng vạc. Những nhà quyền-quí ngày xưa, thổi cơm hay nấu món ăn toàn bằng vạc cả.

[←62]

Nghĩ lúc mình phú-quí thì cha mẹ không còn, lấy làm tủi-cực lắm.

[←63]

Cù-lao 劬勞 : công cha mẹ khó-nhọc.

[←64]

Cam 甘 : là ngọt. *Chi* 旨 : miếng ngon : tức là miếng ngọt miếng bùi.

[←65]

Bởi câu « *Nhất nhật dưỡng bất dĩ tam công hoán* » 一日不以養三公換 : được nuôi cha mẹ một ngày còn hơn là làm quan đến chức tam công.

Thần hôn 晨昏 : là buổi sáng buổi chiều thăm nom cha mẹ.

[←66]

Hai thân : chỉ cha và mẹ.

Niên cao 年高 : tuổi già, nhiều tuổi.

[←67]

Tuổi già mắt lòa không trông thấy gì.

[←68]

Để lẫn lộn với đàn hươu con khác.

[←69]

Để dần-dà vắt lấy sữa hươu đem về nuôi cha mẹ.

[←70]

Người đi săn không phân biệt được là người hay hươu con.

[←71]

Mảnh son : bởi chữ « *nhất phiến đan tâm* » 一片丹心 : một mảnh lòng son.

Vũ-phu 武夫 : người võ-viên.

[←72]

Cao-sĩ 高士 : người tài giỏi, cao đạo.

[←73]

Hai thân : cha mẹ.

[←74]

Ghé gần vào cha mẹ làm nũng-nịu như là trẻ con.

[←75]

Ông Lão Lai đầu đã bạc phơ, mặc áo đỏ lòe, rồi múa-men ở trước mặt cha mẹ.

[←76]

Đường thượng 堂上 : trên thềm, nơi cha mẹ ngồi.

[←77]

Trên tuổi-tác : tức là cha mẹ.

[←78]

Đình 庭 : sân ; *Vi* 幃 : cái màn che, cái màn che trong nhà tức là gia-đình.

Gió thụy : tức là tướng phong 祥風 : gió mát mẻ. Mưa xuân, tức là xuân vũ

春雨 : mưa êm-ái.

[←79]

Nhân tử sự thân 人子事親 : đạo làm con đối với cha mẹ.

[←80]

Trăm năm : cả đời người.

[←81]

Hậu-Hán 後漢 : một triều đại về sau nhà Đông-Hán.

[←82]

Rất thành-thực.

[←83]

Phụ tang 父喪 : tang cha.

Nhân-tình còn chi : nhà không có đồng tiền nào.

[←84]

Thể-phách 體魄 : xác-thịt của cha.

[←85]

Hiếu-tử 孝子 : người con có hiếu.

Phú-gia 富家 : nhà giàu.

[←86]

Phu-phụ 夫婦 : vợ chồng.

[←87]

Chốn gặp : đến chỗ người đàn-bà ấy lần trước.

[←88]

Tiên-cô 仙姬 : nàng tiên.

[←89]

Mẫu-thân 母親 : mẹ.

[←90]

Từ-mẫu 慈母 : mẹ hiền.

Thường thì bớt cho : bà thường bớt lại nhường cho cháu ăn.

[←91]

Hiên-thê 賢妻 : người vợ hiền.

[←92]

Ý nói : vợ chồng mình còn đương thì sinh đẻ, chết con này lại đẻ con khác, còn mẹ chỉ có một, giờ chết đi thì thôi, tìm đâu được nữa.

[←93]

Tình thâm 情深 : tình sâu, đây nói là tình cha con.

[←94]

Hoàng-câm : tức là Hoàng-kim 黃金 : là vàng (vì đọc là câm cho đúng ở vần trên).

[←95]

Trên hũ có đề hai chữ là « trời cho ».

[←96]

Ngọc thành 玉成 : bởi câu « *Thiên ngọc nhữ vu thành* » 天玉汝于成. Ý nói trời giúp cho nên tốt.

[←97]

Hiếu tâm 孝心 : lòng hiếu-thảo, câu này ý nói trời nào để đến nỗi vì lòng hiếu thảo mà phải dứt tình cha con.

[←98]

Lǎo-mǔ 老母 : mẹ già.

[←99]

Tòng, tức là tam tòng 三從 : người đàn bà khi còn ở nhà thì tòng phụ 從夫 : theo cha, khi lấy chồng rồi thì tòng phụ 從父 : theo chồng, khi chồng chết rồi thì tòng tử 從子 : theo ý của con, không được tự tiện một mình.

[←100]

Cô 姑 : mẹ chồng, chữ cô 姑 cũng có nghĩa là cô nữa, nhưng đây là mẹ chồng.

[←101]

Lân-âu 鄰嫗 : bà lão già ở bên láng-giềng.

[← 102]

Bồi : ngồi tiếp.

[←103]

Vị nước ở suối ấy đúng như là vị nước sông.

[← 104]

Lý-ngư 鯉魚 : cá chép.

[←105]

Thần-hôn 晨昏 : buổi sớm buổi tối.

[← 106]

Lận-đận : vất-vả, ý nói : bây giờ không phải đi gánh nước sông, đi tìm cá vất-vả nữa.

[← 107]

Gia-đạo 家道 : nề-nếp trong nhà.

[←108]

Bụng hiếu với cha mẹ, dù trong khi loạn lạc cũng không đổi tiết.

[←109]

Bởi chữ : *phong hỏa* 烽火 : khói-lửa tức là loạn lạc *mây bay* cũng là loạn.

[← 110]

Hoang-khiêm 荒歉 : mất mùa kém đói.

[←111]

Tặc-đồ 賊徒 : là bọn cướp giặc.

[←112]

Hỏi sao lại để riêng quả đen quả đỏ ra làm hai nơi làm gì cho phiền.

[←113]

Trong lúc loạn-lạc mà vẫn hiếu-thảo, tức là giữ được cương-thường.

[← 114]

Vó : tức là cái đui, vó trâu tức là cái đui thọt trâu.

[←115]

Miếnng sốt : đem gạo thịt về thổi cơm, làm món ăn dâng mẹ xơi lúc còn đương nóng.

[←116]

Đạo-tặc 盜賊 : trộm giặc, cướp giặc.

Lương-tâm 良心 : lòng lành, lòng tốt, ý nói : tuy là bọn cướp giặc nhưng cũng có lòng tốt, thấy Thái Thuận có hiếu với mẹ, tặng cho gạo thịch đem về để nuôi mẹ.

[←117]

Xuân 椿 : là cây xuân, chỉ bóng là cha. *Huyền* 萱 : cỏ huyền, chỉ bóng là mẹ ; ý nói : cha mẹ đã chết từ lúc Đinh Lan còn bé.

[← 118]

Trưởng-thành 長成 : khi đã khôn lớn.

[←119]

Sơn 山 : là núi. *Hải* 海 : là bể : ý nói công cha mẹ như núi như bể.

Trân-cam 珍甘 : của quý của ngọt, ý nói : không được phụng-dưỡng cha mẹ.

[←120]

Dung-mạo 容貌 : dáng mặt.

Mộc-tượng 木橡 : tượng bằng gỗ.

[← 121]

Phụng-dưỡng như sinh 奉養如生 : phụng-dưỡng như lúc cha mẹ còn sống.

[←122]

Phụng-dưỡng tượng gỗ mãi mấy mươi năm, người vợ lâu ngày sinh ra trẻ-nải.

[← 123]

Mắt tượng gỗ có nước mắt chảy ra đầm-đìa.

[← 124]

Nổi giận đuổi người vợ đi.

[←125]

Nào có phải là nhẫn tâm mà phụ nghĩa vợ chồng, vì vợ là người bất hiếu với cha mẹ mình.

[←126]

Bởi câu « *Chí thành thông thần* » 至誠通神 : có lòng rất thành-thực thì cảm-động đến thần minh.

[←127]

U 幽 : là tối, tức là âm-phủ.

Hiển 顯 : là sáng, rõ, tức là dương-gian.

Vong 亡 : kẻ đã mất rồi. *Tồn* 存 : người còn sống. Ý nói : không kể gì âm-phủ hay dương-gian, kẻ còn hay người đã khuất đi, mình có lòng chí thành thì cảm-ứng cả.

[← 128]

Tích theo cha đến quận Cửu-giang chơi với Viên Thuật làm quan thái-thú ở quận ấy.

[← 129]

Tiểu-diên 小筵 : bữa tiệc nhỏ mọn.

[←130]

Gửi : thưa.

Thân : thưa.

[←131]

Thì : xơi, ăn.

[←132]

Hiếu thân 孝親 : hiếu với cha mẹ.

[←133]

Phú dữ thiên chân 賦予天真 : chân tính trời cho thưở bé.

[←134]

Thiện-đoan 善端 : mỗi lành. Vì câu « *Nhất hiếu lập nhi vạn thiên tông* » 孝立而萬善從 : có một lòng hiếu thì muôn vạn điều hay ở đấy mà ra, cho nên gọi hiếu là đầu mối của mọi việc thiện.

[←135]

Cô-đơn 孤單 : mồ côi cha, lại có một mình, không có anh em nào.

[←136]

Tuổi già bóng xếch : tuổi già như bóng mặt trời đã xế về chiều.

[←137]

Hạ-bì 下被 : tên một xứ bên Tàu.

[←138]

Xuân-phong 春風 : gió xuân, ý nói tươi-tinh, vui-vẻ.

Từ-nhan 慈顏 : mặt hiền-từ : tức là nét mặt của mẹ lúc nào cũng tươi-tinh.

[←139]

Ý nói : người có hiếu thì dù gặp loạn-lạc nghèo khổ đến thế nào cũng giữ được hiếu.

[←140]

Khuất bóng tử : tức là mẹ đã chết rồi.

[←141]

Nghiêm-phụ 嚴父 : là cha. Vì cha thì nghiêm, mẹ thì từ, cho nên mượn chữ nghiêm để chỉ cha, chữ từ để chỉ là mẹ.

[←142]

Quạt hết cả khí oi-nồng đi, cho chăn màn được mát.

[←143]

Mùa đông rét lạnh.

[← 144]

Ủ hơi của mình cho chăn-chiếu của cha được ấm.

[←145]

Hạ-đông 夏冬 : mùa hè mùa đông.

[← 146]

Quận-thú 郡守 : quan Thái-thú ở quận ấy.

[←147]

Vương Thôi : sinh vào đời nhà Ngụy, sau nhà Tây-Tấn diệt nước Ngụy thống-nhất thiên-hạ. Tây-Tấn về dòng con cháu Tư Mã Ý.

[← 148]

Thù cha : vì Tây-Tấn giết hại cha ông.

[←149]

Cha ông bị giết chết, ông thương-xót cha ông, cứ phục ở mả mà khóc, nước mắt chảy ra nhiều quá, làm cho cây trắc khô-héo trồng ở bên mồ thấm nước mắt của ông mà tươi lại.

[←150]

Nhà Tây-Tấn đóng ở phương Tây, ông tức Tây-Tấn giết cha ông nên trọn đời ông không ngồi ngoảnh mặt về hướng Tây, tỏ ý không làm tội nhà Tây-Tấn.

[←151]

Vì tính mẹ Vương Thôi hay sợ sấm, nên khi mẹ chết rồi, hễ khi nào mưa gió có sấm, thì ông lại ra ấp mộ, và khấn rằng : « Đã có con ở đây », để cho hồn mẹ khỏi sợ.

[←152]

Thần-phách 神魄 : thần hồn và xác thịt, hồn xác của mẹ được yên thì ông mới yên dạ.

[←153]

Ông không chịu ra làm quan với Tây-Tấn, ở nhà dạy học, giảng sách cho học-trò.

[←154]

Sinh ngã 生我 : đẻ ra ta. Ông đọc đến câu « *Phụ hề sinh ngã* » 父兮生我 : cha sinh ra ta thì ông lại nhớ cha mà chảy nước mắt khóc.

[←155]

Cấp môn 入門 : đến cửa, tức là các học-trò.

[←156]

Lục-nga 蓼莪 : tên một thơ trong Kinh Thi, vì thơ ấy có câu « *phụ hề sinh ngã* » và nói những công-lao của cha mẹ đối với con. Học-trò ông hể đọc đến câu « *sinh ngã* » thì ông lại khóc, nên cũng cảm-động bỏ thơ ấy đi không đọc nữa.

[←157]

Thử lý, thử tâm 此理此心 : lòng ấy lẽ phải ấy. Bởi câu chữ Hán « *Nhân đồng thử tâm, tâm đồng thử lý* » 人同此心心同此理 : người ta ai ai cũng một lòng ấy, lòng nào cũng theo lẽ phải ấy.

[←158]

Sư 師 : thầy.

Sinh 生 : học-trò. Ý nói thầy trò đều có tấm tình đối với cha mẹ cả.

[←159]

Sự thân 事親 : thờ cha mẹ.

[←160]

Nhà nghèo chỉ có giường nằm, không có màn để che muỗi.

[← 161]

Nghiêm 嚴 : tức là cha.

Từ 慈 : tức là mẹ.

[←162]

Người tức là cha mẹ.

[←163]

Nghĩ lấy da thịt của mình thay cho da thịt của cha mẹ.

[←164]

Người : tức là cha mẹ.

Giấc hòe : tức là giấc ngủ. Ngày xưa Thuần vu Phần nằm ngủ dưới gốc cây hòe, chiêm bao được làm quan sung-sướng lắm. Về sau người ta mượn chữ « hòe » làm giấc ngủ.

[←165]

Ái thân 親愛 : yêu cha mẹ.

[← 166]

Sợ muối đốt cha mẹ thì đau ruột, còn da thịt của mình thì tiếc gì.

[←167]

Huyền-đường 萱堂 : đã chú-thích ở trên.

Sớm lẩn bóng xa : ý nói mẹ đã chết rồi.

[← 168]

Mẹ sau : tức là mẹ kế.

[←169]

Tiếng gièm thêu-dệt : bịa-đặt ra những lời gièm-pha.

[←170]

Sinh-ngư 生魚 : cá tươi.

[← 171]

Giá đông : trời rét nước đông lại thành băng.

[←172]

Trên vầng đống : trên chỗ nước đông lại thành băng.

[← 173]

Lý-ngư : cá.

[← 174]

Hả tình : lúc hả dạ, vui lòng.

[← 175]

Ruổi : Đi.

[←176]

Suýt nữa bị hổ ăn thịt.

[←177]

Đau con mắt : trông thấy hổ định vô bắt cha lấy làm đau-đớn lắm.

[←178]

Hổ 虎 : con hổ, con hùm.

Lang 狼 : loài thú dữ.

[←179]

Hùm phải há mồm bỏ chạy.

[←180]

Lòng hiếu mạnh hơn sức khỏe của con hùm.

[←181]

Chỉ nghĩ việc cứu cha, chứ không nghĩ gì đến việc mình tay không mà chống nhau với hổ là sự nguy-hiểm.

[←182]

Phụ-thân sớm khuất : Cha mất sớm.

Phụ-thân 父親 : là cha.

[←183]

Mẫu-thân 母親 : là mẹ.

[←184]

Đông-tuyết 雪冬 : mùa đông có tuyết.

[←185]

Trúc-lâm 竹林 : rừng tre.

[← 186]

Bình-địa 平地 : chỗ đất bằng.

[←187]

Mấy dò mǎng ở dưới đất mọc lên.

[←188]

Điều 調 : pha mắm muối và vị chua, vị ngọt cho thành canh ngon.

[← 189]

Khởi bệnh.

[←190]

Vì Mạnh Tông có lòng hiếu, cho nên cỏ cây cũng cảm-động, nên nhớ là cỏ cây cũng có tình.

[←191]

Cao : tức là trời. *Dày* : tức là đất. Bởi câu « *Thiên cao địa hậu* » 天高地厚 :
trời cao đất dày.

[←192]

Ý nói : Vì Mạnh Tông có hiếu với mẹ, nên cây tre cũng có cảm-tình mà mọc thẳng ra.

[←193]

Kim Lâu : là người có danh tiếng nước Tề.

[←194]

Bình-lãng : một tên đất ở bên Tàu.

Thân dân 親民 : gần liền với dân, tức là chức Thái-thú bên Tàu, như chức Tri-phủ, Tri-huyện ngày trước ở nước ta.

[←195]

Nha 衙 : công-nha, sở làm việc.

Tuần 旬 : là 10 ngày.

[←196]

Câu 駒 : con ngựa. Vó câu tức là vó ngựa. Ý nói cỡi ngựa đi về.

[←197]

Nắm đơ : tức là nắm phân.

[←198]

Vì thầy thuốc bảo rằng : người nào ốm mà phân đẳng thì dễ chữa, phân ngọt thời bệnh nặng khó chữa, ông nếm phân cha thấy ngọt, ông lo-ngại sợ cha chết.

[←199]

Trong sách thuốc nói về phân của người ốm có câu rằng « *Bệnh trung nghi khổ* 病中宜苦 » trong khi đương ốm, thì phân đắng là tốt.

[←200]

Triều tam 朝三 : ba lần châu về. Ý nói : một đêm ba lần châu về hướng bắc mà khẩn.

[←201]

Xin chết thay cha.

[←202]

Tinh-tú 星宿 : ngôi sao, tức là sao Bắc-đẩu.

[←203]

Đình-vi 庭幃 : ở đây ý nói : cha được khỏi bệnh, cả nhà vui-vẻ.

[←204]

Huyền-vi 玄微 : màu-nhiệm, bí-ẩn. Ý nói : cảm-động đến trời.

[←205]

Kim-đăng 金滕 : cái hòm có buộc bằng dây vàng ; ngày xưa vua Vũ-vương nhà Chu bị bệnh nặng, em là Chu Công Đán làm sớ tâu với tiên-tổ ở nhà thái-miếu xin chết thay cho Vũ-vương, tờ sớ ấy sau để vào trong hòm gỗ, có buộc dây vàng ở ngoài, để ở nhà Thái-miếu.

[←206]

Niên-ký 年紀 : tuổi. Ý nói tuổi đã già.

[←207]

Già móm cả răng.

[←208]

Hàng ngày Đường-thị tắm rửa chải đầu cho sạch-sẽ, rồi lên nhà trên thăm mẹ chồng.

[←209]

Lấy sữa ngọt : cho mẹ chồng bú sữa mình.

[←210]

Mấy năm trời mẹ chồng chỉ bú sữa của Đường-thị mà đủ no, không phải ăn cơm.

[←211]

Cố 故 : mẹ chồng.

[←212]

Mẹ chồng tuy già nhưng lúc nào cũng được vui-vẻ, vì có con dâu hiền.

[←213]

Lâm chung 臨終 : lúc sắp chết.

Hoàng-thiên 皇天 : là trời. Ý nói : lúc sắp chết có khấn-nguyện với trời.

[←214]

Ý nói : cầu cho các con cháu dâu về sau người nào cũng hiếu như Đường-thị cả.

[←215]

Thôi-gia 崔家 : nhà họ Thôi.

[←216]

Gia-khánh 家慶 : phúc nhà.

[←217]

Không gì báu bằng được người con dâu hiếu thảo.

[←218]

Tống-đại 宋代 : đời nhà Tống.

[←219]

Phải là mẹ đẻ từ lúc lên 7 tuổi.

[←220]

Đích-mẫu 嫡母 : mẹ đích. Vợ cả của cha mình.

[←221]

Bồ 蒲 : cỏ bồ.

Liễu 柳 : cây liễu, hai thứ cây cỏ yếu-ớt, để chỉ là phận đàn-bà con-gái về phái yếu.

Bạn cùng nước non : phải đi lưu-lạc.

[←222]

Mẹ con xa cách nhau 50 năm trời.

[←223]

Bây giờ mình được sung-sướng mà mẹ phải lưu-lạc thì sung-sướng làm gì.

[←224]

Khi ông sắp ra đi, ông có thề với người trong nhà rằng « Nếu ông không tìm được mẹ thì dù chết cũng đành ».

Gia-nhân 家人 : người con.

[←225]

Từ-thân 慈親 : mẹ hiền.

[←226]

Hiếu-tử 孝子 : con hiếu.

[←227]

Đổng-châu : một tên đất ở bên Tàu.

[←228]

Mẹ đầu nhuộm tuyết : mẹ đầu bạc trắng như tuyết.

Con đầu hoa râm : con đầu lốm-đốm bạc.

[←229]

Nguyên-hựu (1086) : niên-hiệu vua Triết Tôn nhà Tống.

[←230]

Sử-thần 史臣 : quan chép sử.

[←231]

Được làm quan giàu có, thân đã nhẹ-nhàng.

[←232]

Những đồ của cha mẹ dùng để đại tiểu-tiện tự tay ông lau rửa lấy cả.

[←233]

Quan-trưởng 官長 : quan to.

Gia-nô 家奴 : đũa ở trong nhà.

[←234]

Nhân-tử 人子 : đạo làm con.

Cần-khổ : Siêng-năng, khó-nhọc.

[←235]

Hiếu-tử 孝子 : người con hiếu.

Trung-thần 忠臣 : bầy tôi trung. Hai câu này bởi câu « *Câu trung-thần tất ư hiếu-tử chi môn* » 求忠臣必於孝子 : muốn tìm người bầy tôi trung, tất phải tìm ở nhà nào là nhà con hiếu, vì có biết hiếu với cha mẹ, thì mới trung với nước.

[←236]

Cổ-nhân 古人 : người đời xưa.

[←237]

Đạt 達 : người hiển-đạt làm quan sang.

Cùng 窮 : người không chức-phận gì, người nghèo túng.

[←238]

Di-luân 彞倫 : đạo cương-thường cũng như ngũ-luân.

[←239]

Công-hạ 公暇 : khi rảnh việc quan.

Cảm thân dày đội : bởi chữ « *đối thiên lý địa* » 載天覆地 : đội trời đạp đất.

[←240]

Hương-quan 鄉關 : quê-hương.

Gần cõi thánh-hiền : ý nói chỉ xem sách.

[←241]

Gia-phạm 家範 : khuôn-phép trong nhà.

Quốc-âm 國音 : tiếng nô-m của nước mình.